



Lời Cảm Ơn

Xin trân trọng cảm ơn Ban tổ chức hội thi Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai đã tổ chức một hội thi vô cùng ý nghĩa. Qua đó giúp mọi người có cơ hội tìm hiểu thêm và ôn lại những công lao, đóng góp và sự hi sinh quả cảm của những bậc tiền nhân xứ Đồng Nai

Năm nay là năm cuối của Hội thi giai đoạn 2012 - 2016. Tôi mong rằng Hội thi sẽ được tiếp tục giai đoạn 2017 - 2020 để thế hệ trẻ chúng tôi tiếp tục có điều kiện tham gia nhằm bổ sung và nâng cao nhận thức của mình về những giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai để càng thêm yêu quý mảnh đất Đồng Nai, góp phần cho việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa - lịch sử trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, văn minh và Việt Nam nói chung trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.



Tài liệu tham khảo Câu hỏi 1:

Hãy nêu cảm nhận của bạn về tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên đường tại địa phương phường, xã nơi bạn đang ở. Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần học tập làm theo.

1. Biên Hòa- Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển (1998), Nhà xuất bản Đồng Nai;
2. Nguyễn Khôi (2013), Nguyễn Tri Phương và nghệ thuật quân sự chống ngoại xâm, Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng;
3. Kể chuyện lịch sử nước nhà thời đầu nhà Nguyễn, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam;
4. Đỗ Bá Nghiệp - Phan Đình Dũng (2010), Đền thờ Nguyễn Tri Phương. Cổng thông tin điện tử Thư viện tỉnh Đồng Nai;
5. Quan lại trong lịch sử Việt Nam, Nhà xuất bản thanh niên.





Tài liệu tham khảo Câu hỏi 2:

Hãy trình bày cảm xúc của bạn về tấm gương của một trong những vị đại biểu Quốc hội ở Đồng Nai qua các nhiệm kỳ đã qua đời mà bạn biết.

1. Bùi Quang Huy (1991), Lý Văn Sâm và những đóng góp xuất sắc về văn học, Báo Văn nghệ Đồng Nai, số 16/4/ 1991.
2. Bùi Quang Huy (1992), Tuyển tập Lý Văn Sâm, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
3. Bùi Quang Huy (2002), Lý Văn Sâm toàn tập (tập 1), Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
4. Bùi Quang Huy (2002), Lý Văn Sâm toàn tập (tập 2), Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
5. Bùi Quang Huy (2002), Lý Văn Sâm toàn tập (tập 3), Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
6. Bùi Quang Huy (2002), Trang sách hồng mở giữa đời hoa, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
7. Bùi Quang Huy (2005), Lý Văn Sâm nhà văn đường rừng, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
8. Bùi Quang Huy (2008), Nắng bên kia làng, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
9. Bùi Quang Huy (2008), Ngoài mưa lạnh, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
10. Bùi Quang Huy (2008), Kòn Trô, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
11. Huỳnh Văn Tới (chủ biên, 1998), Người Châu Ro ở Đồng Nai, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
12. Bùi Quang Tú (2003), Có ba con người trong Lý Văn Sâm, Báo Văn nghệ Đồng Nai số 4126, 01/2013.





Hãy
nêu
cảm
nhận
của
bạn
về

trình
nữ
nhân
vật
độc
chọn
tốt
tên

trường
tại
địa
phương,
xã
nội
bạn
ở.

Những
hành
tông
độc
tính
nào
của

nhân
vật
bạn
cần
học
tập,
lần
theo.

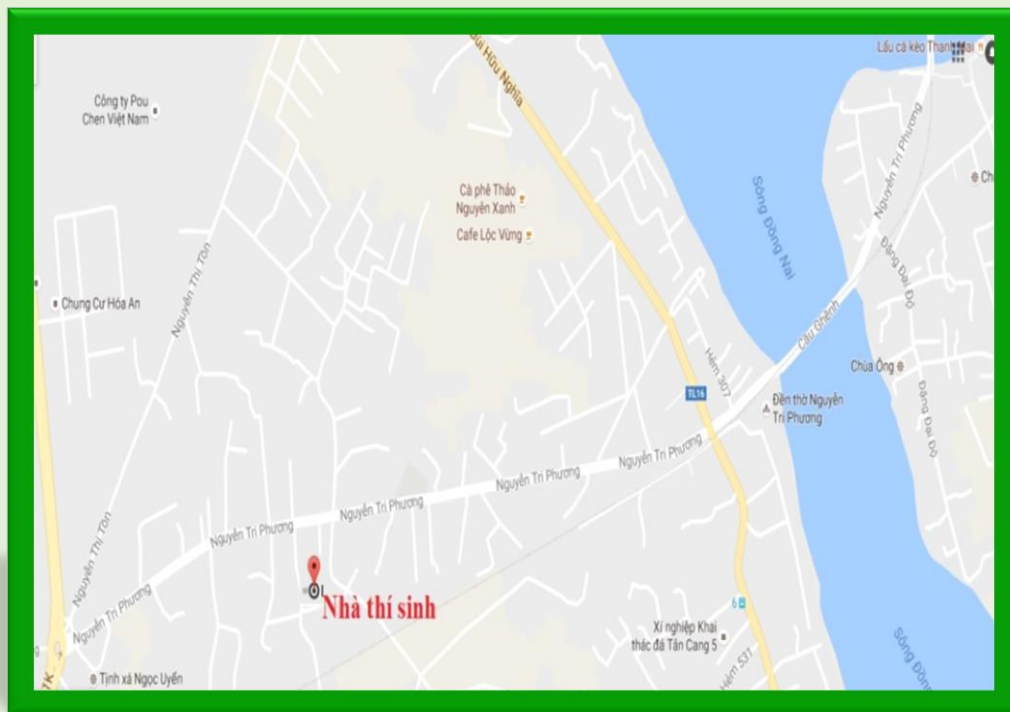
Nguyễn Tri Phương - Danh thần khí tiết Việt Nam



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



NGUYỄN TRI PHƯƠNG - DANH TƯỚNG BẤT TỬ



Hình 1: Nhà thí sinh trên Bản đồ Google

Nhà tôi đang ở tại phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Là phường ngoại ô thành phố, mật độ đường giao thông không như ở Trung tâm nên Phường tôi ở chỉ có 3 nhân vật lịch sử được đặt tên đường là Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Thị Tồn và Bùi Hữu Nghĩa. Cả 3 nhân vật lịch sử trên được đặt tên đường theo Nghị quyết số 91/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tại thành phố Biên Hòa.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Việc sử dụng tên nhân vật lịch sử không chỉ giúp người đi đường định vị được nơi cần đến mà còn có ý nghĩa tri ân danh nhân có công trong lịch sử. Với ý nghĩa đó, nhân vật mà tôi cảm phục và tôn thờ nhất là Nguyễn Tri Phương, một đại danh thần Việt Nam thời nhà Nguyễn. Ông là vị Tổng chỉ huy quân đội triều đình Nguyễn chống lại quân Pháp xâm lược lần lượt ở các mặt trận Đà Nẵng (1858), Gia Định (1861) và Hà Nội (1873), một tấm gương trung liệt kiên cường. Tôi biết đến công đức của Ông không chỉ khi được đặt tên đường từ năm 2007, mà đã hiện hữu trong ký ức của tôi từ nhỏ vì tại Phường tôi ở có đền thờ Ông. Năm 1861, Nguyễn Tri Phương dẫn quân về lập tuyến phòng thủ ở Biên Hòa để chống lại quân xâm lược Pháp. Trước quân thù, ông là một dũng tướng, trong lòng dân, ông là bậc hiền tài nên sau khi Ông mất, nhân dân Biên Hòa đã tạc tượng, thờ ông tại đình Mỹ Khánh. Nguyên thủy, đình Mỹ Khánh thờ Thần Thành hoàng bốn cảnh. Sau khi thờ Ông, đình Mỹ Khánh đổi tên là đền thờ Nguyễn Tri Phương. Hàng năm, vào ngày 16 và 17 tháng 10 (âm lịch) tại Đền diễn ra Lễ Kỳ Yên theo phong tục thờ Thần của người Việt rất long trọng, tôi thường được mẹ tôi dẫn đến Đền để dâng hương và khấn vái ông phù hộ cho việc học hành tấn tới, gia đình có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 2: Lễ Kỳ Yên & đền thờ Nguyễn Tri Phương

Vì mệnh nước, Nguyễn Tri Phương đã đi khắp mọi miền đánh đuổi giặc ngoại xâm, lập nhiều công trạng, đến đâu ông cũng đều thu phục nhân tâm, mở mang kinh tế. Do đó, công đức của Ông được nhân dân cả nước tôn thờ. Sau khi quyết định chọn Ông là nhân vật lịch sử để tham gia dự Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai 2016, tôi không cần phải vất vả đi tìm tư liệu về Ông vì chỉ cần vào Google tìm tên Nguyễn Tri Phương, chưa được 1 giây đã có gần 5 triệu thông tin mang tên Nguyễn Tri Phương. Mặc dù, thông tin về Ông là một kho tư liệu đồ sộ nhưng tôi quyết định đến viếng đền thờ Ông để có cảm xúc

dâng trào khi viết về Ông.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 3: Thi sinh đến dâng hương và khấn vái tại Đền thờ Nguyễn Tri Phương

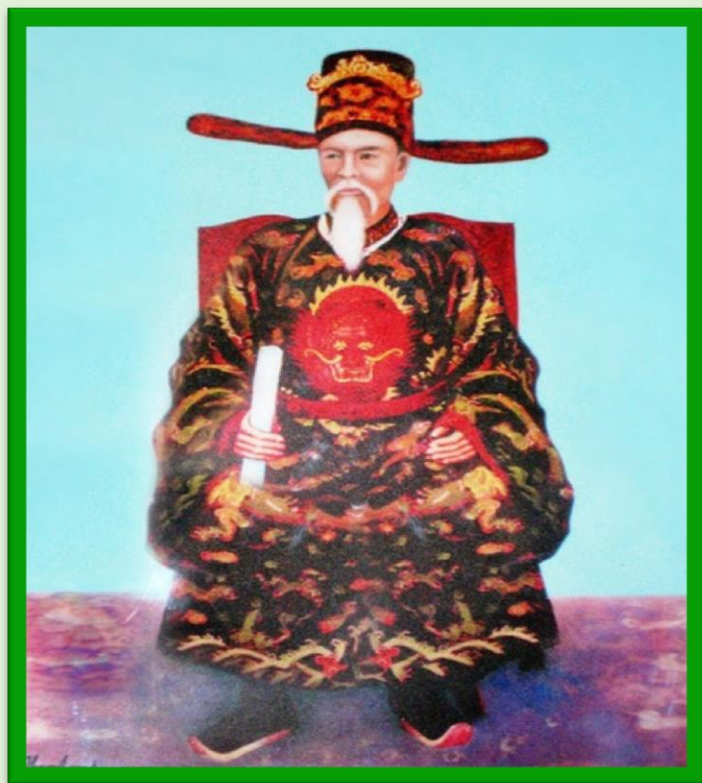
Nguyễn Tri Phương tên cũ là Nguyễn Văn Chương, tự Hàm Trinh, hiệu là Đồng Xuyên, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1800 (Canh Thân), quê làng Đường Long (Chí Long), xã Chánh Lộc, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (Phủ Thừa Thiên). Ông xuất thân trong một gia đình nghèo, làm ruộng và nghề thợ mộc. Thời kỳ đầu triều vua Minh Mạng, nhà vua có chiếu kén những người hiền tài giúp nước. Nguyễn Tri Phương đã bước vào con đường hoạn lộ bằng một chức nhỏ mọn ở địa phương. Làm nha lại không bao lâu, ở địa phương ông xảy ra một vụ án rất bí mật.

Quan huyện giao cho ông tra xét và ông đã khám phá ra được vụ án ấy. Đồng thời, ông đã thảo một tờ bảm rất khúc chiết rõ ràng trình lên quan trên.

Vụ án ông khám phá được báo lên tỉnh rồi vào cung vua. Tình cờ, vua Minh Mạng đọc được tờ bảm và nhận ra tài năng của ông. Vua cho dẫn ông vào triều để từ đó cuộc đời Nguyễn Tri Phương thăng tiến rất nhanh trong triều đình. Dù



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 4: Ảnh Nguyễn Tri Phương được lưu giữ tại Viện Bảo tàng quốc gia Bỉ

không xuất thân từ khoa bảng nhưng nhờ ý chí tự lập ông đã làm nên cơ nghiệp lớn.

Năm Quý Mùi (1823) vua Minh Mạng đề bạt ông hàm Điện bộ (Bí thư ở Nội điện). Năm 1826, Nguyễn Tri Phương giữ chức Biên tu Văn thư phòng, hàm chánh thất phẩm. Sau đó, thăng chức Hàn lâm việc tu soạn hàm Tông lục phẩm (1828), Hàn lâm viện thị độc hàm chánh ngũ phẩm (1829), Hàn lâm việc thị giảng học sĩ hàm tứ phẩm (1830), Hàn lâm việc thị độc học sĩ hàm Chánh tứ phẩm (1831), chức Thự Thượng Bảo khanh làm việc ở nội các (1834). Năm 1835 ông nhận lệnh vua Minh Mạng vào Gia Định cùng Trương Minh Giảng bình định các vùng mới khai hoang. Việc thành công ông được thăng hàm Hữu Thị lang bộ Lễ hàm chánh tam phẩm. Năm 1837, ông bị triều thần gièm pha, nên bị giáng xuống làm thơ lại ở bộ Lại.

Cuối năm, ông được khôi phục hàm Chủ sự, sung chức Lang trung. Năm sau ông thăng Thị lang bộ Lễ, năm 1839 thăng hàm Tham tri, làm việc ở Nội



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



các gia Tham tri bộ lễ hàm tòng nhị phẩm. Năm 1840 làm Tuần phủ Nam - Ngãi tức cả vùng Quảng Nam và Quảng Ngãi.

Thời vua Minh Mạng, Nguyễn Tri Phương cùng một số quan chức được triều đình cho phép thực hiện nhiều chuyến xuất dương đến Singapore, Philipines, Indonesia, Quảng Đông, Ấn Độ, Trung Quốc... để làm việc công. Với kinh nghiệm trong tiếp xúc với người nước ngoài, Nguyễn Tri Phương được vua Minh Mạng tin cậy giao cho những trọng trách như làm việc với đặc sứ Mỹ vào năm 1832, khi họ đến Phú Yên. Làm việc với người Anh khi họ đến Đà Nẵng năm 1834.

Dưới thời vua Thiệu Trị (1841 -1847): Năm 1841, vua Thiệu Trị cử Nguyễn Tri Phương làm Tuần phủ An Giang, Hộ lý quan phòng Tổng đốc An Hà bình định dẹp loạn. Với tài thao lược, điều binh khiển tướng, được nhân dân ủng hộ, ông đã lãnh đạo quân sỹ đánh bại quân Xiêm và thổ phi. Năm 1842, ông tiếp tục chỉ huy đánh bại thủy binh quân Xiêm, sau đó xuất quân, bình ổn xứ Cao Miên, được vua ban thưởng và phong làm Tổng đốc Long Tường. Sau đó, Nguyễn Tri Phương được vua Thiệu Trị ban thưởng và phong là An Tây Trí Dũng tướng, Hiệp biện Đại, Phụ Chính đại thần.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 5: Liên quân Pháp - Tây ban Nha đánh chiếm Thành Điện Hải



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Dưới thời vua Tự Đức, Nguyễn Tri Phương tận tâm cống hiến và được vua tin yêu, giao những trọng trách của đất nước. Năm 1847, vua Tự Đức phong cho Nguyễn Tri Phương tước Tráng liệt bá. Năm Canh Tuất (1850) vua Tự Đức chuẩn phê cải tên ông là Nguyễn Tri Phương. Từ đó tên Nguyễn Tri Phương trở thành tên chính của ông. Sau đó ông được sung chức Khâm sai Tổng thống Quân vụ Đại thần các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên. Nhận nhiệm vụ mới, Nguyễn Tri Phương đã tiến hành một chủ trương hình thành đồn điền, lập ấp để mở mang thêm đất đai, tạo nguồn lương thực. Song song với việc dùng binh lính khai mở đồn điền, Nguyễn Tri Phương cho tập trung dân lưu tán để an cư lạc nghiệp, tạo nên đời sống yên ổn cho người dân và bình ổn trong quản lý. Năm 1855, ông về kinh thành Huế rồi sau đó, về quê nhà an nghỉ cho đến năm 1858.

Theo các nhà sử học, đến thời vua Tự Đức, hệ thống phòng thủ ở cửa biển Đà Nẵng đã hoàn tất với quy mô lớn hơn bất cứ cửa biển nào khác ở nước ta, bao gồm các đồn, đài, bảo được xây dựng liên hoàn. Cùng với hệ thống phòng thủ này là lực lượng quân đội, tàu chiến, đại bác và các phương tiện thông tin, quan sát được trang bị khá dày đặc.

Tuy được trang bị phòng thủ như vậy, nhưng khi Liên quân Pháp - Tây Ban Nha do Đô đốc Rigault de Genouilly chỉ huy nổ súng xâm lược, mặt trận Đà Nẵng lại nhanh chóng bị vỡ. Ngay trong ngày đầu tiên (1/9/1858), chỉ sau nửa giờ bị địch nã pháo liên tục, hầu hết các vị trí phòng thủ của quân đội Triều đình đều bị phá hủy.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 7: Thành Diên Hải - Đà Nẵng

Sau khi nhận được tin thất trận, vua Tự Đức liền cử nhiều tướng sĩ như Đào Trí, Lê Đình Lý, Phan Khắc Thận đem quân vào chi viện nhưng cũng không thể kiểm soát được tình hình. Trước tình thế nguy cấp, buộc vua Tự Đức phải triệu Nguyễn Tri Phương, vị võ tướng tài ba đang làm Kinh lược sứ Nam Kỳ sung chức Tổng thống quân thứ Quảng Nam, trực tiếp điều khiển chiến trường Đà Nẵng.

Đứng trước một thực tế là liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã nắm quyền chủ động nhưng với tư duy quân sự rất thực tiễn, khi nhận chỉ dụ lên đường, Nguyễn Tri Phương đã trình vua Tự Đức phương kế đánh giặc của mình: “Giặc lấy chiến làm lợi, ta lấy thủ làm lợi. Xin lấy thủ làm



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 8: Di tích lịch sử Thành Điện Hải - Đà Nẵng

chiến, đắp thêm đồn lũy, để dần dần tiến đến gần giặc”, và “giữ cho kỹ để đợi làm kế giằng dai, trù tính cho dân đủ ăn, cấp lương cho dân theo sự cơ mà làm, mới là kế hoàn toàn”.

Để thực hiện kế hoạch “lấy thủ làm chiến”, Nguyễn Tri Phương huy động dân chúng địa phương và quân lính sửa sang lại đồn lũy, đặt thêm vọng lâu để quan sát, đắp thêm đồn Liên Trì và xây dựng lũy phòng thủ kéo dài “từ bờ biển đến các xã Phước Ninh, Thạch Gián, bên ngoài lũy đào hố chữ phẩm cắm chông che cỏ cát lên trên, chia quân đặt phục binh, sát đến thành Điện Hải”.

Tiếp đó, ông ra lệnh sửa lại các đồn Hóa Khuê, Nại Hiên, chia đặt lầu canh gác để tiếp ứng cho nhau kịp thời. Bên cạnh việc đắp thêm đồn lũy để dần dần tiếp cận với giặc, chống giữ không cho giặc mở rộng địa bàn xâm lược, Nguyễn Tri Phương áp dụng chiến thuật “lấy thủ làm chiến” một cách



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 9: Tượng đài Nguyễn Tri Phương và súng thần công tại Thành Điện Hải

triệt để trong suốt quá trình chiến đấu chống Pháp ở Đà Nẵng. Cùng với việc xây dựng đồn lũy, Nguyễn Tri Phương còn vận dụng nhiều cách đánh sáng tạo như đánh du kích làm tiêu hao lực lượng của Pháp hay đã cùng với nhân dân lầy lưới bủa vây làm cho bánh lái, chân vịt của tàu Pháp bị vướng gặp khó khăn trong lúc di chuyển.

Với sự bố trí phòng thủ như vậy, khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha ồ ạt tiến vào sông Nại Hiên. Trong đó có những chiến hạm hạng nặng như Némésis với 50 đại bác, Phlégéton 12 đại bác ... Nguyễn Tri Phương lợi dụng hiểm địa hai bờ sông, bố trí nhiều súng đạn đã quyết liệt bắn trả. Một trong các chiến hạm của Pháp trúng đạn bốc cháy dữ dội và bị chìm. Các tàu còn lại phải rút lui. Chính Rinault de Genouilly đã phải tường



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



trình trận chiến này: “Những đồn lũy này tốt hơn tất cả đồn lũy ta đã thấy ở Trung Quốc rất nhiều”. Trong thư gửi bộ trưởng hải quân Pháp lưu tại tàng thư Bộ Thuộc địa, viên trung tướng này còn thừa nhận: “... Chính phủ đã bị lừa dối về “công cuộc Cochinchine” ...



*Hình 10: Mộ Liên quân Pháp – Tây Ban Nha
tổ trận trận tại Đà Nẵng*

Người ta nói đến sự thiếu vắng một đội quân vũ trang. Thật ra đạo quân chính quy rất đông đảo, và đạo quân dân gồm những người tráng kiện trong nhân dân ...”.

Năm 1859, Pháp chuyển hướng đánh thành Gia Định, quân nhà Nguyễn không rõ thương vong nhưng tan rã gần hết. Thành bị hạ, Hộ đốc thánh Gia Định là Võ Duy Ninh tự vẫn. Sau đó Pháp cho phá hủy thành Gia Định. Năm 1860, Nguyễn Tri Phương được sung chức Gia Định quân thứ, Thống đốc quân vụ cùng Tham tán đại thần Phạm Thế Hiển để lãnh đạo quân binh kháng chiến. Nguyễn Tri Phương chủ trương huy động từ 15.000 đến 20.000 quân; nhưng không tập trung ở một nơi, mà chia thành ba đạo: một đạo chính đóng tại đồn Phú Thọ, chỗ quân



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 11: Đại đồn Chí Hòa

thứ Gia Định hiện đóng; một đạo đóng ở phủ hạt Tân An; một đạo đóng ở tỉnh hạt Biên Hòa. Ông hạ lệnh phòng thủ các đường sông, ngôi lớn nhỏ, vừa đánh vừa giữ, dần dần đắp thêm đồn lũy tiến sát đến chỗ địch đóng quân. Nguyễn Tri Phương đã chủ trương xây dựng đại đồn Chí Hòa (sau Pháp gọi là Kỳ hòa) để bao vây, bức rút quân Pháp.

Ngày 25/10/1861 quân Pháp đã tiến hành công phá đại đồn Chí Hòa. Ông chỉ huy quân lính chống trả quyết liệt nhưng bị thương, đại đồn thất thủ. Gia Định lại bị chiếm. Trong trận này, em ruột ông là Nguyễn Duy tử trận, ông bị cách chức xuống làm Tham tri, mãi đến năm sau lại được hàm Binh bộ Thượng thư, sung Đồng nhung Quân vụ Biên Hòa, tập hợp lại lực lượng để chống sự bành trướng của quân Pháp.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 12: Quân Pháp tấn công thành Gia Định

Khi Đại đồn Chí Hòa ở Gia Định thất thủ, ông cùng quân sỹ rút về Biên Hòa để chuẩn bị cho công cuộc phòng thủ. Năm 1862, sau khi triều đình Huế ký hòa ước Nhâm Tuất, mất ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ vào tay Pháp, Nguyễn Tri Phương phải trở về kinh khi tình thế bất buộc, lệnh triều đình phải bãi binh trước mưu sự còn dang dở. Tương truyền, người dân Biên Hòa đã cản đầu ngựa, khẩn cầu Nguyễn Tri Phương ở lại cùng quyết chiến với quân thù. Ra Bắc lần thứ nhất, Nguyễn Tri Phương được triều đình phong chức vụ Tổng thống quân vụ đại thân. Từ năm 1862 đến năm 1866, Nguyễn Tri Phương kiêm nhiệm thêm chức vụ Tổng thống quân vụ ở Tây và Bắc, sau đó chuyển sang Tổng thống quân thứ Hải An. Thời gian này, Nguyễn Tri



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Phương đồn tâm lực lãnh đạo quan quân thực hiện nhiệm vụ bình định và chiêu dân giữ an các tỉnh biên giới phía Bắc từ miền núi đến duyên hải và một số tỉnh trung du. Ông chủ trương chia để trị, thu phục quân Cờ Đen vì lực lượng này mạnh nhất và dùng quân Cờ Đen để chế ngự các nhóm khác. Chính sách này tỏ ra có hiệu quả, quân Cờ Đen giúp sức đánh quân Cờ Vàng, Cờ Trắng và sau này tham gia đánh Pháp. Vua Tự Đức hết lời khen ngợi, ban thưởng và đã gả công chúa Đồng Xuân cho Nguyễn Lâm, con trai của ông.

Sau hòa ước 1862 dâng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho thực dân Pháp. Được đăng chân lân đẳng đầu, năm 1867 thực dân Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây và cuối năm 1872, chúng bắt đầu can thiệp ra miền Bắc. Lúc này, tên thương lái Pháp là Jean Dupuis được bọn xâm lược điều từ Sài Gòn ra Bắc Kỳ kèm theo tàu chiến và súng đạn, binh lính. Y chở vũ khí sang Vân Nam (Trung Quốc) bán cho bọn tướng lĩnh ở đó rồi chở hàng từ Vân Nam về, bất chấp mọi sự phản kháng của các quan Việt Nam. Theo hiệp ước 1862, nhà Nguyễn chỉ cho phép người Pháp đến buôn bán ở một số cửa biển Bắc Kỳ, không cho phép đi sâu vào nội địa này, nhưng tên thương lái người Pháp đã ngang ngược vi phạm hiệp ước vì y được sự ủng hộ của bọn tướng lĩnh Trung Hoa ở Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam cũng như của bọn tướng lĩnh Mãn Thanh được cử sang Việt Nam tiêu phi theo yêu cầu của triều đình nhà Nguyễn. Bọn tướng lĩnh Vân Nam, sau khi nhận được súng đạn của J.Dupuis đem bán, đã cho 150 tên lính Vân Nam áp tải hàng của bọn tư sản Trung Quốc xuống Hà Nội. Được nhiều phía ủng hộ như vậy, J.Dupuis tỏ ra rất lão luyện. Hắn bắt đe dọa những dân phu làm kè ngăn sông, hắn tự ý thuê thuyền chở hàng hoặc tự ý mua muối để đem đi Vân



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Nam mặc dù quan tỉnh Hà Nội ngăn cấm. Hấn tự ý đem quân lên bờ đóng đồn, bắt chấp sự ngăn cản của các nhà chức trách Việt Nam. Láo xược hơn, hấn còn dùng vũ lực bắt quan phòng thành Việt Nam xuống tàu làm con tin để mặc cả với ta phải thả ra những người tiếp tế cho hấn. Trong hoàn cảnh đó, các quan Việt Nam đứng trước một tình thế rất lúng túng, khó xử. Cho J.Dupuis tự do hành động thì trái với lệnh của triều đình; dùng vũ lực đối phó với hấn thì không dễ dàng gì. Họ đành phải báo cáo lên triều đình.

Nguyễn Tri Phương đã qua cái tuổi thất thập cổ lai hy, nhưng vẫn được vua Tự Đức cử ra Bắc với chức vụ Khâm Mạng Tuyên sát Đồng sức đại thần với quyền hạn giải quyết mọi việc quân dân và được phái làm Tổng đốc, giữ thành Hà Nội. Nguyễn Tri Phương đến Hà Nội ngày 27-5-1873. Việc đầu tiên ông làm là cho Vũ Đường đi gặp J.Dupuis ở nhà hội quán Quảng Đông trách hấn làm trái lệnh của các nhà đương cục Việt Nam và yêu cầu hấn phải khai số người và vật dụng đem theo để tiện việc khám xét. J.Dupuis không chịu, với lý do là làm theo yêu cầu của nhà Thanh mà các quan ta cùng có nhiệm vụ tuân theo. Ngang ngược hơn, hấn còn yêu cầu ta phải cho hấn được tự do thông thương. Cuộc hội đàm không có kết quả. Thương lượng không được, Nguyễn Tri Phương đành phải dùng biện pháp cứng rắn. Ông cho dán bố cáo cấm không cho thuyền muối của J.Dupuis đi Vân Nam, cấm người Việt Nam liên hệ với hấn và yêu cầu hấn phải lập tức rời khỏi Hà Nội. Với lực lượng quân sự trong tay, dĩ nhiên là J.Dupuis không sợ. Hấn không những không rời Hà Nội, mà còn cho người đi bóc tờ bố cáo và đem chiếc lọng che tờ bố cáo đi diễu qua các phố rồi đốt đi. Mặt khác, hấn cứ cho đoàn thuyền muối của hấn đi Vân Nam.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Nguyễn Tri Phương không chịu để hấn hoành hành. Một mặt, ông ra lệnh cho các đồn dọc sông bắn vào đoàn thuyền muối khiến cho nó phải quay trở về Hà Nội; mặt khác, ông cho thi hành nhiều biện pháp mạnh mẽ như: lập thêm đồn binh dọc sông Hồng, cho người phục bắt quân lính của J.Dupuis cũng như người Việt Nam và Hoa kiều có liên lạc với Pháp, cho thả bè có chất dẫn hỏa để đốt tàu J.Dupuis... Để đối phó lại, J.Dupuis lập tức cho người đi yêu cầu Tổng đốc Lương Quảng và Thống đốc Sài Gòn can thiệp. Tại Hà Nội, hấn ngang nhiên cho kéo cờ Pháp lên thay cho cờ Vân Nam, đồng thời cho quân có vũ trang đi tuần các khu phố để bảo vệ cho người của hấn khỏi bị bắt cóc, cho quân đi bắt các nhà chức trách Việt Nam tỏ ý chống cự hấn, cho bắt thuyền gạo công của ta để trả thù ta bắt người của hấn, thậm chí còn cho quân bắn chết một người lý trưởng và bắn nhau với quân ta ở bờ sông... J.Dupuis còn cho mộ thêm quân Cờ vàng và những tên quân Thanh sang tiểu phi nhưng đào ngũ. Tổng số quân của hấn (cả cũ, cả tuyển mới) lên tới 500 người.

Lúc này tình hình Hà Nội rất căng thẳng. Mặc dù J.Dupuis luôn luôn lấn tới nhưng Nguyễn Tri Phương vẫn không dám công khai tiêu diệt hấn, vì sợ trái với lệnh của triều đình.

Về phần triều đình nhà Nguyễn, sau khi nhận được thư của Tổng đốc Lương Quảng, đành phải ra lệnh cho Nguyễn Tri Phương để J.Dupuis được tự do đem đoàn thuyền muối của hấn đi Vân Nam. Thắng thế, tên này trong khi đi Vân Nam đã ngang nhiên hăm dọa các đồn binh Việt Nam ven sông, phá các kè ngăn sông, bắn giết một số dân phu đang xây đắp đồn lũy... Hấn còn cho lập một đồn binh có hơn 100 lính đóng ở vùng Yên Bái...



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 13: Quân Pháp tấn công thành Hà Nội

Triều đình nhà Nguyễn yêu cầu thống đốc Sài Gòn cho người ra Hà Nội bắt J.Dupuis phải đi khỏi Hà Nội. Thống đốc Sài Gòn chỉ chờ có thể, và dịp hành động đã đến. Hắn nhanh chóng cho đại úy thủy quân Francis Garnier đem 180 quân ra Bắc Kỳ. Tới Hà Nội ngày 5-11-1873, sau khi cho quân đến đóng ở Tràng Thi, Garnier tới gặp Nguyễn Tri Phương yêu cầu ông phải mở cửa sông Hồng cho người phương Tây thông thương và tuyệt nhiên không nói gì tới việc trục xuất J.Dupuis. Nguyễn Tri Phương dứt khoát không chịu và trả lời rằng: Phái viên của Thống đốc Sài Gòn ra Hà Nội chỉ có việc duy nhất là trục xuất J.Dupuis, chứ không có việc gì phải làm cả; còn việc thông thương là công việc sẽ giải quyết giữa triều đình Việt Nam và chính phủ Pháp.

Thấy tình hình đã xoay ra thế khác, Nguyễn Tri Phương



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



cho gọi thêm quân về Hà Nội và cấm nhân dân không được liên lạc với tên phái viên Pháp.

Thấy Nguyễn Tri Phương kiên quyết như vậy, Garnier cho hai tên phản động, người của J.Dupuis làm nội ứng cùng ba viên suất đội thuộc đơn vị bảo vệ Nguyễn Tri Phương. Ngày 19 - 11 - 1873, hấn viết tối hậu thư cho Nguyễn Tri Phương yêu cầu ông phải giải trừ vũ trang trong thành Hà Nội, cho J.Dupuis được thông thương tự do và bỏ lệnh cấm người Việt Nam không được liên lạc với Pháp. Hấn đặt hạn cuối cùng là 6 giờ chiều ngày hôm ấy (19- 11), Nguyễn Tri Phương phải trả lời.

Nguyễn Tri Phương không trả lời, Garnier đã lệnh cho quân của J.Dupuis đánh vào cửa Đông và cửa Bắc, còn quân của hấn thì đánh vào cửa Đông - Nam, Tây - Nam và Tây; bản thân hấn trực tiếp chỉ huy đánh cửa Đông - Nam thành Hà Nội. Hiệu lệnh tấn công cho các cánh quân là tiếng pháo của hai pháo hạm đậu trên sông Hồng bắn vào thành Hà Nội lúc 6 giờ sáng ngày 20-11-1873.

Nghe tiếng đại bác nổ, Nguyễn Tri Phương vội ra lệnh cho quân sĩ chiến đấu. Bản thân ông thì trực tiếp chỉ huy ở cửa Đông - Nam, đứng cửa mà đích thân tên Garnier tới đánh. Cuộc chiến đấu diễn ra hoàn toàn theo hướng bất lợi cho Nguyễn Tri Phương, vì quân pháp có vũ khí hiện đại. Đại bác của quân Pháp đã kéo đến sát cổng thành nên phát huy được hiệu quả, trong khi đó, đại bác của ta khó phát huy tác dụng vì quân Pháp đã có chỗ ẩn nấp ở ngay dưới chân tường thành. Vì thế, chỉ sau một hồi pháo kích, cửa thành Đông - Nam và Tây - Nam đã bị phá vỡ, quân Pháp ồ ạt xông vào. Còn cửa Đông, sau khi đại bác trên pháo



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



hạm đã ngừng bắn vào hồi 6 giờ 30 phút, thì một đội quân của J.Dupuis đã bắc thang trèo được vào thành, mở cửa cho cả bọn chúng ùa vào.

Địch tấn công rất dữ dội. Lúc đầu quân ta chiến đấu rất kiên cường. Nhưng khi các cửa thành đã bị phá thì các quan có trách nhiệm giữ thành như tổng đốc Bùi Đức Kiên, án sát Tôn Thất Trác đều bỏ chạy. Quân sĩ hoang mang cũng bỏ chạy. Nguyễn Tri Phương bị một mảnh đại bác xuyên vào bụng, bị thương nặng. Thành Hà Nội đã bị rơi vào tay thực dân Pháp.

Nguyễn Tri Phương bị quân Pháp bắt ngày 20-11-1873. Quân Pháp định chạy chữa, ông từ chối. Địch đổ thuốc, đổ cháo cho ông, nhưng ông đều phun ra. Đến phút cuối cùng, ông đã nhờ người tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo chỉnh tề và ung dung nói: “Nghĩa tôi phải chết”, rồi ra đi một cách bình thản ngày 20-12-1873. Sự hy sinh anh dũng, ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi của Nguyễn Tri Phương tiêu biểu cho ý chí quyết tiêu diệt kẻ thù xâm lược của dân tộc Việt Nam. Cái chết của Nguyễn Tri Phương đã làm cho kẻ địch phải kính phục: Tên E. Millot, một kẻ cộng sự của J.Dupuis thường vào thuyết phục Nguyễn Tri Phương đầu hàng đã phải thú nhận: “...Những tử dụ anh hùng đó cho thấy rõ nghị lực yêu nước mà người Việt Nam có thể có, và dứt khoát gạt ra giả thiết muốn dẫn họ tới việc từ bỏ dễ dàng quyền lợi và nền độc lập của họ”.

Cùng chiến đấu bảo vệ thành Hà Nội còn có phò mã Đô úy Nguyễn Lâm, con trai Nguyễn Tri Phương, lấy công chúa Đông Xuân, con gái vua Thiệu Trị. Biết tin cha được lệnh giữ thành Hà Nội chống Pháp, Nguyễn Lâm đã tự nguyện xin ra Bắc Kỳ với cha. Pháp đánh thành, Nguyễn Lâm đã chiến đấu anh dũng bên cạnh cha tại cửa Đông - Nam và bị trúng đạn hy sinh.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Khắc ghi công lao của Nguyễn Tri Phương, vua Tự Đức truyền quan tỉnh Hà Nội sai quân phu hộ tang quan tài ông và con trai về làng an táng. Năm 1875, vua Tự Đức cho lập đền thờ Nguyễn Tri Phương ở làng Đường Long, phủ Thừa Thiên và truy tặng Binh bộ tả Tham tri.

*Hình 14: Mộ phần Nguyễn Tri Phương tại Phong C Hương -
Phong Điền - Thừa Thiên Huế*



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



*Hình 15: Di tích lịch sử văn hóa hướng về Chợ Đồn
Biên Hòa - Biên Hòa - Đồng Nai*



Hình 16: Đền thờ Tam Công tại Đồng Nai

Với vùng đất Biên Hòa, danh tướng Nguyễn Tri Phương thực sự đã trở thành bất tử. Là danh tướng của triều Nguyễn, nhưng một phần cuộc đời của ông gắn liền với mảnh đất Biên Hòa - Gia Định xưa, tức Đồng Nai - Thành phố Hồ Chí Minh



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



hiện nay. Hay tin ông mất, người dân Biên Hòa tiếc thương và tạc tượng ông rước vào đình Mỹ Khánh thờ phụng. Ghi nhớ công lao và ngưỡng mộ tài năng, đức độ của ông, người dân nơi đây tôn ông lên bậc thần linh, trở thành vị phúc thần của làng xã, cung kính thờ trong đình, từ ấy đình có tên gọi là đền thờ Nguyễn Tri Phương. Đền thờ Nguyễn Tri Phương còn được gọi là Đền thờ Tam Công vì nội điện thờ cả ba vị tướng vốn là “nhất gia tam kiệt” gồm Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Duy và Nguyễn Lâm, ba vị anh hùng dân tộc đã từng in đậm dấu chân tại vùng đất Biên Hòa trong kháng chiến chống thực dân Pháp buổi sơ khai dưới thời nhà Nguyễn.

Hình 17: Đền thờ Trung Hiếu tại Thừa Thiên Huế



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Đường Nguyễn Tri Phương giao nhau với đường Nguyễn Thị Tôn



Đường Nguyễn Tri Phương nối dài với đường Bùi Hữu Nghĩa

Cùng với ngôi Đền Trung Hiếu do triều đình Huế phụng dựng ở quê nhà và Phần Mộ của ba vị anh hùng Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Duy và Nguyễn Lâm tại làng Chí Long, xã Phong Chương, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế, Đền thờ Tam Công này là di tích lịch sử cấp quốc gia đã được nhà nước công nhận.

Đến năm 2007, theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa, Hội đồng nhân

dân và UBND tỉnh Đồng Nai đã quyết định đặt tên Nguyễn Tri Phương cho con đường nối liền đường Hà Huy Giáp, đường Cách mạng tháng Tám, cắt ngang đường Nguyễn Ái Quốc thể hiện được tính tiếp nối và kế thừa truyền thống của lịch sử dân tộc, qua Cù lao Phố gắn với công cuộc khai mở của Triều Nguyễn ở xứ Đồng Nai. Đường Nguyễn Tri Phương có chiều dài 4.124 m, vị trí của đường bắt đầu từ Cầu Rạch Cát chạy qua phường Hiệp Hòa, Bửu Hòa đến ngã tư Cầu Hang thuộc địa phận phường Hóa An, thành phố Biên Hòa.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



*Hình 20: Trường học Nguyễn Tri Phương
P. Hồ Nai – Biên Hòa Đồng Nai*



*Hình 21: Trường học Nguyễn Tri Phương –
TP HCM*



*Hình 22: Trường Nguyễn Tri Phương tại
Huế*

Ngoài ra, để giáo dục truyền thống cho các thế hệ trẻ tên của ông còn được đặt cho nhiều trường học ở nhiều tỉnh thành trong khắp cả nước. Trên đường Nguyễn Ái Quốc thuộc Khu phố ..., phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa có trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương.





NGUYỄN TRI PHƯƠNG - MỘT KHO TÀNG KINH NGHIỆM QUÍ BÁU

Ngược dòng thời gian để tìm hiểu về người anh hùng dân tộc Nguyễn Tri Phương, tôi càng tôn kính công đức của ông. Cuộc đời của ông là một kho tàng kinh nghiệm quý báu cho các thế hệ sau học tập, noi theo. Những bài học tôi rút ra sau khi nghiên cứu cuộc đời của Ông như sau:

1. Nguyễn Tri Phương không an phận, có ý chí tự lập, không bắt mản khi oan ức, không nản lòng khi thất bại. Ông luôn nỗ lực phấn đấu cho lý tưởng sống của mình. Mặc dù thành phần xuất thân của ông không sinh ra trong thuộc dòng quý tộc khoa bảng mà từ trong tầng lớp bình dân, làm ruộng và thợ mộc. Ông dựng sự nghiệp từ đôi bàn tay trắng, ông đã trưởng thành từ thực tế cuộc sống. Ông không học theo lối từ chương để thi cho đỗ, mà đã tập trung chú ý vào những điều hay được ghi trong sách để sau này áp dụng vào đời.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Năm 1837, ông bị triều thần gièm pha, nên bị giáng xuống làm thơ lại ở bộ Lại. Ông vẫn kiên trì phấn đấu, bằng sự nỗ lực vượt bậc và năng lực bản thân, không lâu sau, ông không những được khôi phục chức mà còn thăng tiến nhanh.

Năm 1861 quân Pháp đã tiến hành công phá đại đồn Chí Hòa. Ông chỉ huy quân lính chống trả quyết liệt nhưng bị thương, đại đồn thất thủ. Gia Đình lại bị chiếm. Trong trận này, em ruột ông là Nguyễn Duy tử trận, ông bị cách chức xuống làm Tham tri. Ông không nản lòng, tập hợp lại lực lượng để chống sự bành trướng của quân Pháp và năm 1862 được phục hồi hàm Binh bộ Thượng thư, sung Đồng nhung Quân vụ Biên Hòa.

2. Nguyễn Tri Phương có tinh thần dám làm dám chịu trách nhiệm. Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng khơi ngòi cho cuộc xâm lược Việt Nam. Điểm tấn công đầu tiên là bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng. Vạn nước lâm nguy, vua Tự Đức đã chọn mặt gửi vàng. Nguyễn Tri Phương nhận lệnh quay lại Đà Nẵng, cầm quân đánh giặc, được nắm toàn quyền quyết định trên chiến trường. Tháng 10-1858, phòng tuyến Điện Hải, An Hải bị vỡ, quân triều đình tan tác nhưng dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương phòng tuyến Liên Trì đã được xây dựng, lấy phòng thủ để tiến công. Trong trận Liên Trì, quân ta thương tổn khá nặng, 62 người chết, 105 người bị thương, 97 nhà



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



dân bị đốt. Nguyễn Tri Phương dâng sớ nhận trách nhiệm và xin vua trách tội. Vua Tự Đức đã giáng chức nhưng để ông ở lại đòi công chuộc tội. Không phụ lòng vua, ông đồng lòng hiệp sức với quân dân Đà Nẵng đã hất cẳng quân xâm lược ra khỏi Đà Nẵng vào ngày 23-3-1860.

3. Nguyễn Tri Phương là người tư tưởng canh tân đất nước, ông đã từng dâng lên triều đình nhà Nguyễn những kế sách để phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng như việc mở đồn điền ở biên giới phía Tây Nam. Khi chỉ huy chống Liên quân Tây Ban Nha - Pháp ở Đà Nẵng, dù cầm chân và buộc quân giặc phải rút khỏi Đà Nẵng nhưng ông đã nhận thấy sự lợi hại của sức mạnh khoa học kỹ thuật chế tạo vũ khí hiện đại và đã dâng sớ hiện đại hóa vũ khí quân đội. Thế nhưng, chính sách bấy giờ là "bế quan tỏa cảng" tự biến nước Việt thành một ốc đảo. Nhiều quan lại trong triều đình đã chống lại ông nhằm hưởng nhận cho tâm thân. Bài học này đang được Đảng và nhà nước ta thấm nhuần sâu sắc trong tình hình phức tạp của Biển Đông hiện nay.

4. Nguyễn Tri Phương một đời vì nước, vì dân, không mưu cầu lợi cho riêng mình, luôn tiên phong hoàn thành nhiệm vụ được giao. Ông vốn xuất thân từ quan văn nhưng khi đất nước loạn lạc, bị giặc ngoại xâm ông sẵn sàng xông pha sa



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



trường, biết trọng nhân tài, chỉ huy trăm trận suốt Nam, Trung, Bắc, đổi đầu từ giặc loạn trong nước đến quân xâm lược biên thùy. Dù danh vọng, quyền binh đến tột đỉnh nhưng với Nguyễn Tri Phương chỉ một lòng tận tụy với nước với dân nên cuộc sống vật chất nghèo nàn. Ông đã được Vua khen: "Người vốn là người công bằng, trung trực có tiếng, cất, bỏ nhân tài, làm cho quan lại trong sạch, khiến cho trong ngoài đều được người giỏi để giúp cho được việc".

Nhân cách của ông không chỉ được Vua khen, người dân khâm phục mà ngay cả người Pháp cũng phải cúi đầu. Paulin Vial - một sử gia người Pháp viết: "Vị quan già ấy (ý nói Nguyễn Tri Phương) tất cả đều cung kính, ông phụng sự nước Nam với ý định không làm giàu bằng sự bóc lột cướp giật tài sản của dân chúng. Ấy là một gương đức hạnh vô biên khó tìm thấy ở Á châu..."

5. Nguyễn Tri Phương là vị anh hùng trí - dũng song toàn. Cái tên Nguyễn Tri Phương cũng là do vì Tự Đức đã ban bởi lòng quý trọng người tài trí song toàn, xuất phát từ câu "Dũng thả tri phương", tức là dũng mãnh mà làm mưu chước. Trong đánh giặc ông không chỉ dựa vào sức mạnh mà còn có nhiều mưu lược để thắng giặc với tổn thất thấp nhất cho binh lính của mình.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Khi làm Tổng đốc Long Tường (Vĩnh Long, Định Tường), rồi Tổng đốc An Hà (An Giang, Hà Tiên) với nhiệm vụ bình ổn phía Tây đồng bằng sông Cửu Long, Ông không chỉ dùng quân binh dẹp tan giặc cướp từ bên ngoài tới cũng như quân Xiêm mà tiên phong trong công cuộc khai khẩn đất hoang, lập đồn điền, đời sống người dân miền sông nước Cửu Long trở nên khấm khá hơn. Chủ trương mở các đồn điền ở biên giới phía Nam của ông không chỉ đơn thuần là phát triển kinh tế mà còn có ý nghĩa về mặt chiến lược quân sự.

Trong cuộc chiến chống Liên quân Pháp – Tây Ban Nha ở Đà Nẵng, Ông mưu lược dùng chiến thuật “lấy thủ làm chiến” trong thời gian đầu, khi đã có những thắng lợi liên tiếp từ những trận phục kích, đánh trả các cuộc tấn công của địch, Nguyễn Tri Phương đã chuyển sang “lấy đánh làm giữ”, chủ động tấn công quân địch. Về mặt chiến thuật, điểm độc đáo ở đây là Nguyễn Tri Phương đã chuyển từ cố thủ trong thành, đồn đắp đất, lũy cát trồng tre gai bên trên, hoặc quân lính chỉ phục kích trong các bụi rậm, sang cơ động trong các chiến hào và phục binh tại các hố, hào. Bằng lối đánh dựa vào hệ thống hào lũy để bao vây, phục kích quân Nguyễn Tri Phương từng bước đẩy địch lùi dần về hướng biển và phải chuyển chiến trận vào trong miền Nam.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Trước tình hình quân Cờ đen Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ trắng, Cờ vàng tràn, từ biên giới sang cướp bóc hoành hành ở Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng. Các quan tướng triều đình không thể dẹp loạn được. Vua Tự Đức quá lo lắng lại phải vời Nguyễn Tri Phương cho làm chức Tam tuyền quân thủ Khâm mạng Đại thần, được phép tùy nghi lo việc đánh dẹp cho yên. Vua ban cho ông kỳ bài, ấn kiếm, cờ mao tiết, nhung y, v.v. Đến miền Bắc, sau khi điều nghiên thực lực quân giặc, ông chủ trương chia để trị, thu phục quân Cờ Đen vì lực lượng này mạnh nhất và dung nó để chế ngự các nhóm khác. Ông đề xuất và được Vua Tự Đức bằng lòng ban cho Lưu Vĩnh Phúc chức Đề đốc với nhiệm vụ tuần phòng ở biên cảnh. Chính sách này tỏ ra có hiệu quả, quân Cờ Đen giúp sức đánh quân Cờ Vàng, Cờ Trắng và sau này tham gia đánh Pháp.

6. Ông là người tận tụy việc nước, trung nghĩa với quốc gia và có tinh thần quật cường đến hơi thở cuối cùng. Trong trận phá thành Hà Nội của Pháp năm 1873, con trai ông là Nguyễn Lâm bị tử trận, ông bị thương và bị bắt. Quân Pháp đem cháo và thuốc cho ông, ông đều phun nhổ cả ra, cam tâm chịu đói, chửi không chịu đầu hàng. Sau một tháng tuyết thực, ông đã mất ngày 20 tháng 12 năm 1873, để lại những câu nói bất hủ: "Lâm tướng phải chết và chết ở trận tiền không



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



phải là cái chết nhục nhã", "Bây giờ nếu ta chỉ gắng lấy lát mà sống, sao bằng thung dung chết về việc nghĩa". Niềm tiếc thương ông được hun đúc thành ý chí quyết cường, quyết tâm quét sạch giặc ngoại xâm trên toàn cõi nước Nam. Người dân Hà Nội càng sục sôi căm thù, nhất tề đứng lên khởi nghĩa chống Pháp.

Hàng Diệu mười năm sau kẻ chân Nguyễn Tri Phương giữ thành Hà Nội chống Pháp, trước khi chết vẫn không quên nhắc đến ông trong di biểu:

**"Lòng cô trung thề với cô thành
Chết mong theo Nguyễn Tri Phương dưới đất".**

Sau khi ông chết, Vua Tự Đức đã ra lệnh cho thờ ông ở đền Trung Nghĩa, và sắc cho các quan địa phương xây đền

Hình 23: Phủ thờ dòng họ Nguyễn Tri – Thừa Thiên Huế



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 24: Nhà thờ Trung hiếu khánh thành ngày 21.3.2010 tại thôn Thiên Huệ

Trung hiếu để thờ ông, em và con ông ở tại quê nhà; hàng năm vào mùa xuân và mùa thu đều có cúng tế.

Bài văn tế dịch từ chữ Hán của vua Tự Đức:

*“Tôi trung con hiếu, xưa nay có rồi
Một nhà ba tiết, hiếm lắm than ôi!
Tôi chết vì trung, con chết vì hiếu
Là việc thông thường, làm gương danh giáo
Triều đình phong thờ, phải giữ tiết cao
Khí thiêng chung đức, tiếng để lâu dài
Lập miếu lên thờ, làm cách tượng lệ,
Vào tiết trọng xuân (hay thu) sai quân đến tế
Đường long làng ấy, sẽ giữ tiếng hay,
Anh phong muôn thuở, núi cao sông dài”.*



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Một trong những tư liệu tôi rất tâm đắc khi nghiên cứu rút ra những bài học cho mình từ cuộc đời của Nguyễn Tri Phương là cảm nhận của Giáo sư Trần Văn Giàu về Nguyễn Tri Phương:

Lịch sử Việt Nam đã trải qua nhiều thăng trầm, vinh quang và cay đắng, trên mỗi chặng đường lưu lại những cốt cách, diện mạo khác nhau. Tuy vậy, những cốt cách, diện mạo điển hình, tiêu biểu cho cốt cách, diện mạo chung của người Việt vẫn là dễ nhận. Một trong những điển hình đó là Nguyễn Tri Phương, người của một thời bi tráng, khi Việt Nam từng bước trở thành xứ bảo hộ hay thuộc địa Pháp.

Người Việt chúng ta bao giờ cũng cần tìm hiểu, nghiên cứu về tổ tiên, dân tộc, đất nước mình, một trong những việc quan trọng để tự tìm hiểu mình, rút ra bài học rồi từ đó hoạch định con đường tương lai cho mình. Vậy, tìm hiểu, nghiên cứu về Nguyễn Tri Phương cùng nhiều anh hùng, danh nhân khác là việc rất cần thiết phải làm.

Nguyễn Tri Phương xuất thân từ giới bình dân, tuy không đỗ đạt gì nhưng do có tài năng và công lao lớn đã trở thành đại thần nường cột của nhà Nguyễn. Dù vậy, ông không lợi dụng địa vị mình để mưu cầu lợi ích riêng tư, suốt đời thanh bạch, khi chết của cải để lại cho con cháu chỉ là tiếng thơm. Đặc biệt, ông còn là vị tướng xuất sắc, đứng



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016

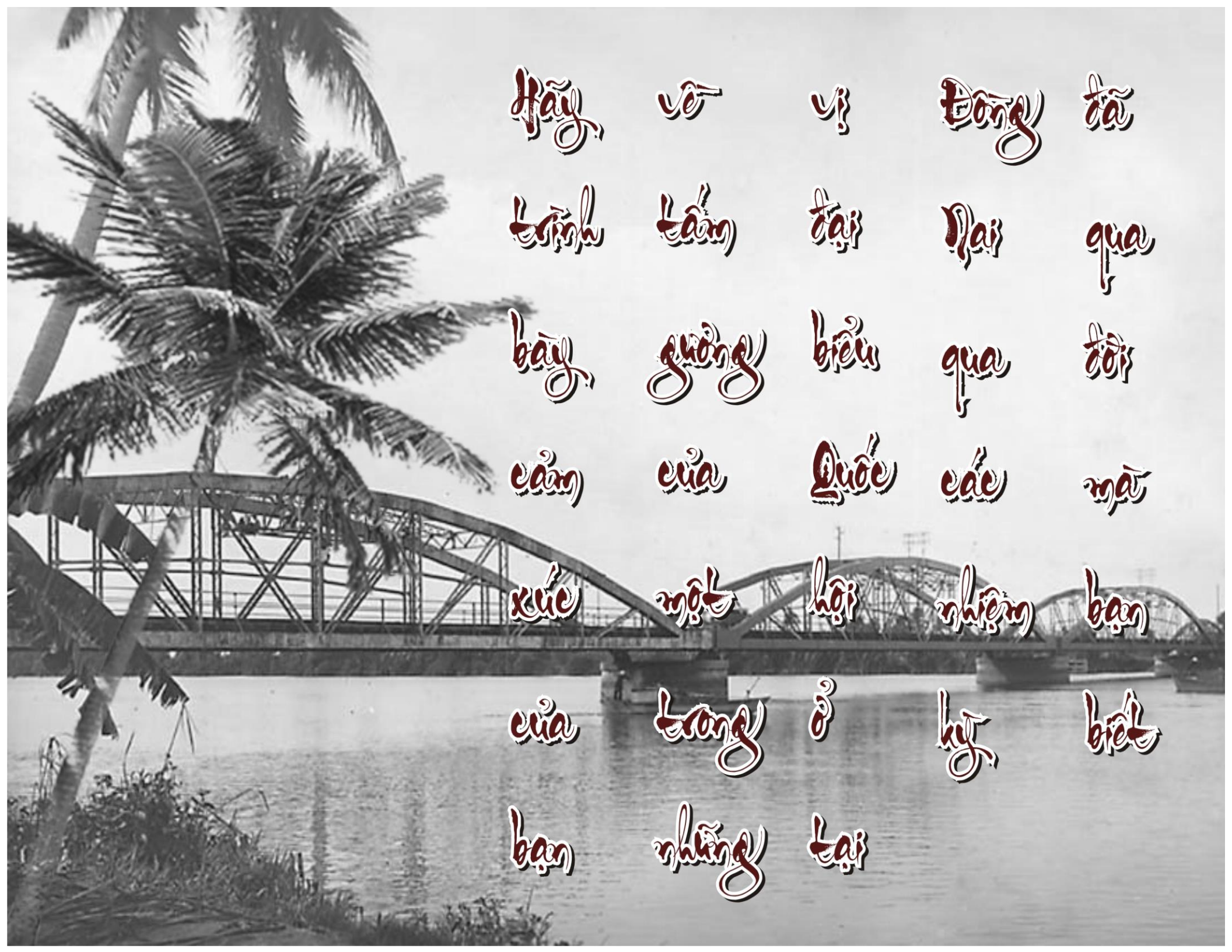


đầu các vị tướng hồi thế kỷ trước (TK 19), khi cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp bắt đầu. Đến khi vua và số đông đại thần dần sâu vào con đường chủ hòa, chủ bại, nhượng bộ rồi đầu hàng giặc thì Nguyễn Tri Phương vẫn là người chủ trương kiên quyết dựa vào sức mạnh của quân dân mình, tự mình bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia. Nhưng con người vừa có tâm, có tài đó không thực hiện được hoài vọng của mình, thành Hà Nội vỡ, Nguyễn Tri Phương bị thương, bị đặt trong vòng kiềm tỏa của giặc. Đến cảnh ngộ này ông càng tỏ rõ khí phách của mình: tự tay vứt bỏ những đồ băng bó, từ chối mọi thứ thuốc men và nhịn ăn cho đến chết. Khí phách đó nhắc nhở vun bồi khí phách Việt Nam xưa, khí phách của những Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Bình Trọng, Nguyễn Biểu, Đặng Dung... Và chính khí phách đó lại được nối tiếp bằng khí phách của những Hoàng Diệu, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thích Nhận, Nguyễn Cao, Vũ Hầu Lợi..., cùng nhân dân cả nước. Vì vậy Nguyễn Tri Phương đã chết mà không chết, cuộc đời và cái chết của ông vẫn đem lại sức mạnh, lợi ích cho công cuộc giữ nước của thế hệ sau...



Nô Hiền Điện Đại Học Sĩ Trí Dũng Tướng
Nguyễn Trí Phương (1800-1873)





Hãy vẽ vị Đông tá
bình tâm tại Nam qua
bây giờ biểu qua tới
cảm của Quốc các mặt
xúc một hội nhiệm bạn
của trong ở họ biết
bạn những tại

Nhà Đại Chủ

văn biểu tịch

Lý Quốc Hội

Năm hội Năm

Sâm khóa nghệ

VI Đông

Nai





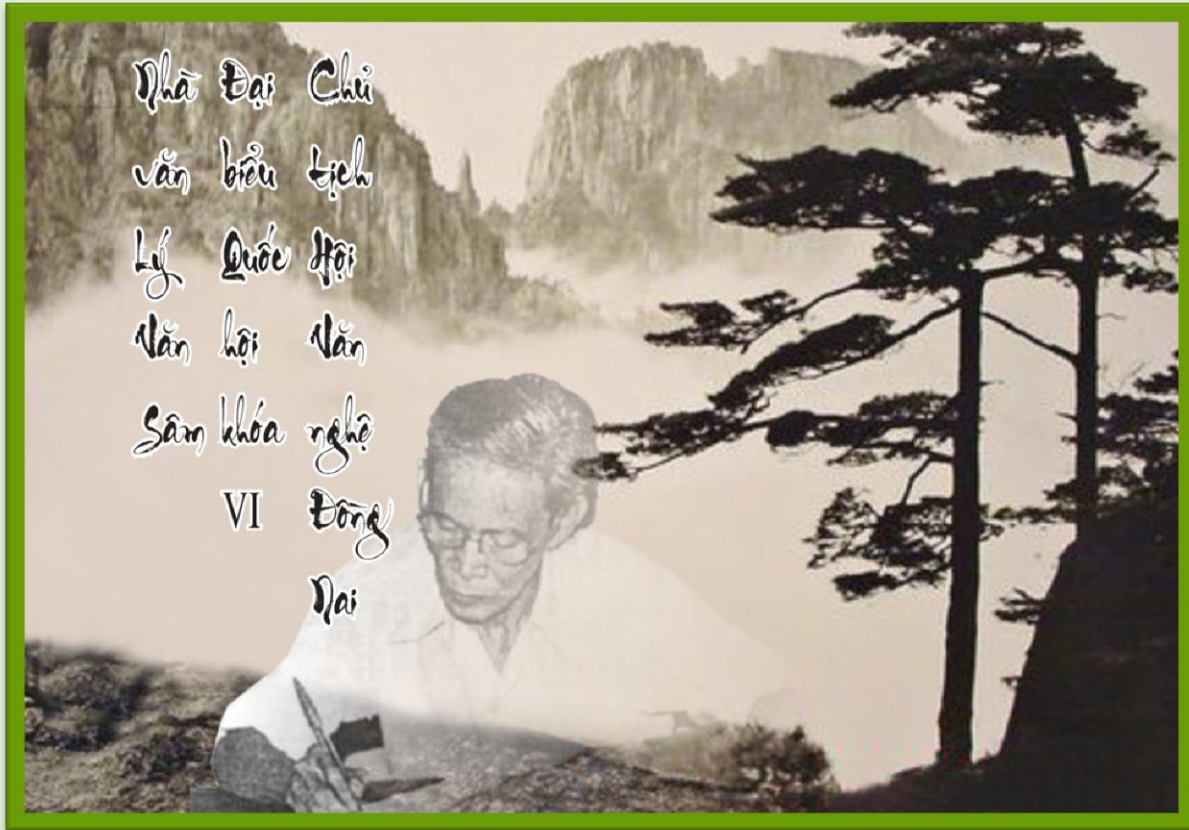
LÝ VĂN SÂM - THÁC LÀ THỂ PHÁCH, CÒN LÀ TĨNH ANH

Khi còn nhỏ gia đình tôi sống rất vất. Ba tôi làm tài xế lái xe đưa đón công nhân Công ty May Đồng Nai, Mẹ tôi là cô giáo dạy trường tiểu học Hóa An – TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Do em trai tôi không được khỏe nên ngoài giờ đi làm, dạy học, cha mẹ tôi phải tập trung lo cho em tôi. Vì nhà nghèo nên không có điều kiện tham gia sinh hoạt cùng các bạn cùng lứa tuổi nên cảm thấy buồn tủi, cô đơn. Những lúc như vậy tôi thường ngồi một mình viết ra suy nghĩ ngộ nghê... Có lẽ đây là nguyên nhân từ lúc lên lớp sáu tôi rất thích học môn văn, thích đọc truyện nên cũng biết đến tên tuổi của một số nhà văn, nhà thơ trong đó có Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Khôi Vũ ...

Do đó, trong Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử Đồng Nai năm 2014 với chủ đề “*Hãy trình bày cảm nhận và ý kiến về một danh nhân văn hóa hoặc một nhân vật lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mà bạn tâm đắc*”, có 2 nhân vật là nhà văn, nhà thơ mà tôi cân nhắc lựa chọn là Huỳnh Văn Nghệ và Lý Văn Sâm. Ban đầu tôi lựa chọn Lý Văn Sâm vì tôi cũng có tuổi thơ cô đơn như tuổi thơ cô đơn sống giữa vùng rừng hoang vắng của nhà văn, nhưng Tôi đã chọn Huỳnh Văn Nghệ do sức thu hút của



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



2 từ “Thi tướng”. Lần này không có sự lựa chọn nào khác hơn là Lý Văn Sâm vì là sự lựa chọn cách đây 2 năm, hơn nửa trong 18 vị đại biểu Quốc hội ở Đồng Nai qua các nhiệm kỳ đã qua đời chỉ có một nhà văn là Lý Văn Sâm.

Nhà văn Lý Văn Sâm còn có tên là Đào Lê Nhân sinh ngày 17 tháng 02 năm 1921, tại làng nhỏ quê ngoại thuộc vùng Tân Nhuận, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Đây chính là “*quê hương rừng thẳm sông dài*” theo cách gọi của Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ. Vùng này thuộc miền rừng núi, lúc đó còn hoang vu. Quê nội ông ở làng Bình Long, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Biên Hòa (Nay là tỉnh



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Đồng Nai), cũng là một làng nằm giữa vùng rừng núi. Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, vùng này là một phần của Chiến khu D oai hùng.

Cha của ông làm viên chức kiểm lâm, tên là Lý Văn Huệ mất năm 1943. Mẹ của ông tên là Đặng Thị Út, có thời gian đi buôn bán nhỏ và ở nhà nội trợ. Bà mất năm 1942. Ông là con trai đầu nên theo cách xưng hô của người miền Nam gọi là Cậu Hai.

Từ nhỏ ông rất ham học, đến năm bảy tuổi ông đã biết tiếng Tây do người cha của mình dạy bảo. Sau đó, ông được cha ông đưa xuống thị trấn Tân Uyên để học sơ học tại trường làng. Trường nằm kế bên nhà anh Tô Văn Tuấn (tức nhà thơ Bình Nguyên Lộc sau này). Năm lên mười tuổi, vì nghĩ đến tương lai của Lý Văn Sâm nên cha ông đã đưa cả nhà về tỉnh lỵ Biên Hòa mượn nhà ở phố để sinh sống và thuận tiện cho việc học hành của ông. Còn cha ông vẫn làm thầy đội kiểm lâm.

Học xong năm lớp nhứt (cours Supérieur), Lý Văn Sâm đã thi lấy bằng tiểu học. Tốt nghiệp tiểu học ở quê, Lý Văn Sâm xuống Sài Gòn thi đậu vào trường Pétrus Ký – trường trung học lớn nhất Nam Kỳ (nay là Trường trung học phổ thông Lê Hồng Phong). Học ở trường này không bao lâu thì giữa ông với đốc học Nguyễn Văn Dĩ xảy ra xung đột và ông bị buộc thôi học. Sau đó, ông phải xin vào học trường tư thục Lê Bá Cang, nhưng chỉ một thời gian ngắn thì ông nghỉ học về Biên Hòa.

Thời điểm này là những năm tháng sôi nổi của thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-1939). Chính phong trào này đã làm trỗi dậy chất lãng mạn vốn có trong tâm hồn Lý Văn Sâm. Ông cùng một vài người bạn chí cốt trong tỉnh nuôi mộng lập một gánh



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



hạt nghiệp dư gồm toàn “cây nhà lá vườn” để đi hát quanh vùng, lấy tiền giúp các quỹ cứu tế và các hội đá banh, hội âm công....Vốn mê cải lương nên ông phụ trách viết một số vở tuồng, trong đó có vở Mũi tên diệt bạo. Và trong thời điểm này, ông may mắn gặp gỡ và quen biết với một tên tuổi sân khấu lớn về sau này – đó là soạn giả Trần Hữu Trang.

Về gia đình một thời gian, Lý Văn Sâm lên miệt Định Quán dạy kèm con gái vị Hương cả người dân tộc Châu Ro. Nửa năm sau, tình thầy trò chuyển sang tình yêu. Gặp lúc mẹ đang muốn có cháu bông nên ông cưới vợ và dẫn nhau về thị xã sông Bình



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Trước sông (Do hoàn cảnh chiến tranh nên hai ông bà thất lạc nhau). Tuy đã có vợ nhưng Lý Văn Sâm còn rất trẻ, do đó, cha của ông muốn ông có công danh sự nghiệp nên đã cho ông ra Huế để học. Sau đó, ông học trường tư thực Hồ Đắc Hàm nhưng do trường không chứa học trò có vợ nên Lý Văn Sâm rời trường và xin vào Trường trung học Phú Xuân của đốc học Cao Xuân Chiểu và đậu bằng Thành Chung năm 18 tuổi. Lãng mạn, thích phiêu bạt và say mê văn chương, thời kỳ này ông bắt đầu tập viết văn. Lý Văn Sâm rất thích văn thơ của Thanh Tịnh, người thầy dạy văn cho mình ở Trường Quốc học Huế. Tuy nhiên, giấc mộng văn chương chưa thành, Lý Văn Sâm phải bỏ học trở về quê hương làm chủ một lò than do gia đình tạo dựng để kinh doanh.

Rày đây mai đó mãi cho đến năm 1942 sau khi mẹ mất rồi năm sau, ba ông cũng qua đời, Lý Văn Sâm trở về thọ tang mẹ, cha, lo xây cất mồ mả và gánh vác sự nghiệp của cha ông để lại. Ông đã phải dừng bước giang hồ, quăng túi thơ để nối nghiệp cha lo cho gia đình. Ông thay cha cai quản lò than ở Trị An. Lý Văn Sâm đã sống gắn bó với quê hương rừng núi, nhất là khi ông thay cha làm chủ lò than giữa vùng rừng Mã Đà – Trị An. Tình yêu gắn bó với núi rừng đã giúp Lý Văn Sâm viết nên những trang văn đặc sắc về cảnh núi non hoang sơ, kỳ vĩ và cuộc sống của con người mộc mạc, chất phác.

Khát vọng tự do, công bằng trong một xã hội nô lệ đã đưa Lý Văn Sâm đến với Cách mạng một cách tự nhiên. Trong những ngày tháng Tám sục sôi năm 1945, khi quân Pháp tái xâm lược, ông hiến lò than cho cách mạng, đốt nhà mình để thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, gia nhập Thanh niên Tiền phong, cùng nhân dân vùng lên cướp chính quyền rồi trở thành



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



cán bộ Ty Tuyên truyền Biên Hoà. Năm 1946, Lý Văn Sâm bị địch bắt trong một trận càn. Một thời gian sau ông được thả, nhưng chịu sự quản thúc của chính quyền thực dân, ông rời Biên Hòa bỏ trốn xuống Sài Gòn làm báo, viết văn. Ông tham gia tích cực trong hoạt động của phong trào “Báo chí thống nhất”, viết cho các báo Việt Bút, Tiếng chuông, Lẽ sống, Bình minh, vừa làm việc cho công an đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Đây cũng là thời gian sáng tác sung sức nhất của Lý Văn Sâm. Vừa hoạt động cách mạng, vừa tự nuôi thân để sống, nhà văn đã sáng tác nhiều tác phẩm văn học có giá trị. Ông khắc họa chân dung những người trí thức Việt Nam trên những nẻo đường kháng chiến. Qua tác phẩm, ông phơi bày cuộc sống quẩn quanh, khổ cực của nhân dân trong vùng bị địch kiểm soát, nói lên khát vọng về tự do, chân lý và phản ánh sức sống của quần chúng trong vùng kháng chiến. Lời văn của ông vừa tha thiết, nồng nàn như một lời tự sự tâm tình về quê hương, đất nước, lẽ sống của dân tộc. Vì những tác phẩm mang yếu tố chống chế độ, năm 1949, nhà văn Lý Văn Sâm bị bắt trong khi đang làm quản lý cho tờ Cộng đồng, giam tại khám lớn Sài Gòn một thời gian ngắn. Năm 1950, trước nguy cơ bị lộ, ông được rút về chiến khu, công tác ở Ban sưu tập Phân liên khu miền Đông. Sau hiệp định Genève (tháng 7 năm 1954), ông được phân công về thành hoạt động hợp pháp trên mặt trận văn nghệ, báo chí tại Sài Gòn.

Tháng 11 năm 1955, Lý Văn Sâm viết một truyện ngắn có tên là Chuông rung trên tháp đổ đăng trên tập san Xuân dân tộc với bút danh Bách Thảo Sương. Tác phẩm đã kích trực tiếp chính quyền Ngô Đình Diệm. Vì thế, ông bị mật vụ chính quyền Sài



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Gòn bắt giam tại bốt Catinat và Trung tâm huấn chính Biên Hoà, tức nhà lao Tân Hiệp. Vào tù đúng một năm, tháng 12 năm 1956, ông cùng một số bạn tù tổ chức tham gia cuộc phá ngục lớn, hơn năm trăm tù nhân nhà lao Tân Hiệp nổi dậy phá khám. Họ tuông chạy từng đám đông sau đó tõe ra từng nhóm. Có những người bị trúng đạn bắn từ tháp canh hy sinh ngay tại chỗ như nhà báo Dương Tử Giang, người bạn văn thân thiết của Lý Văn Sâm. Thuở ấy khu Phúc Hải, Tân Phong còn hoang vu lắm, nhà cửa thưa thớt. Những nhóm người xuyên qua cánh rừng cao su, xé màn đêm, băng qua những hàng rào dây thép gai. Có những chị bị thép gai cào tuột quần, mấy anh nam giới cởi quần dài cho mặc, mấy anh chỉ mặc quần xà lỏn mà chạy. Trên trời máy bay địch quần thảo, kêu gọi, hù dọa. Súng địch bắn xối xả. Những người thoát tù mang trong mình khát vọng tự do khẩn trương tìm đường về chiến khu, trở về với kháng chiến, với cách mạng. Cuộc vượt thoát thành công đã đưa Lý Văn Sâm lại trở về với đồng đội của mình một cách chính danh là người kháng chiến.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 3: Nhà văn Lý Văn Sâm và những nhà văn nổi tiếng tại căn cứ (R) Hội Văn nghệ Giải phóng thời chống Mỹ

Từ 1956 đến năm 1958, nhà văn Lý Văn Sâm làm chánh văn phòng Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang tỉnh Thủ Dầu Một, Trưởng đoàn Văn công miền Nam, chủ bút báo Chiến thắng của Quân giải phóng miền Nam. Năm 1959, ông công tác ở Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam, lần lượt giữ các chức vụ: Chính trị viên Đoàn Văn công giải phóng, thư ký tòa soạn báo Văn nghệ giải phóng, Vụ trưởng Vụ Nghệ thuật Bộ Văn hoá Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Năm 1962, Hội Văn nghệ giải phóng được thành lập, Lý Văn Sâm là tổng thư ký đầu tiên của Hội.

Sau ngày miền Nam giải phóng, ông được



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 4: Nhà văn Lý Văn Sâm tham dự Hội nghị quốc tế tại Liên Xô

bầu làm Phó tổng thư ký Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, đại biểu Quốc hội khoá VI, uỷ viên Ban chấp hành Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1979 nhà văn Lý Văn Sâm về Đồng Nai nhận chức Chủ tịch Hội văn nghệ Đồng Nai. Từ mái nhà của Hội Văn nghệ Đồng Nai đã sản sinh ra một đội ngũ sáng tác trẻ như Khôi Vũ, Nguyễn Đức Thọ, Đào Minh, Vũ Thanh Văn, Vũ Xuân Hương, Bùi Quang Huy, v.v..... Trong đó, có sự đóng góp rất lớn của nhà Văn Lý Văn Sâm về công sức, nghề nghiệp và nhân cách.

Vào đầu thập niên 1990, sau khi rời các chức vụ quản lý văn nghệ, tâm nguyện của ông lúc cuối đời là về lại quê hương Biên Hòa – Đồng Nai, cất một mái nhà nhỏ, sống gần



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 5: Nhà văn Lý Văn Sâm và Hoàng Văn Bón bên nhà văn trẻ của Đồng Nai: Phạm Thanh Quang, Nguyễn Đức Thọ, Bùi Quang Huy

gũi với bà con làng xóm. Song do điều kiện không cho phép, nhà văn Lý Văn Sâm vẫn cư ngụ tại thành phố Hồ Chí Minh, ở trên đường Trương Quốc Dung, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, khi nơi đây chưa sầm uất như bây giờ.

Sau cơn tai biến, nhà văn Lý Văn Sâm trở về thăm quê hương lần cuối trên chiếc xe lăn. Đài truyền hình thành phố HCM làm bộ phim về ông. Ông ngồi trên chiếc xe lăn chậm chậm trôi trên đường phố Biên Hòa. Những con đường, những dãy phố đều in dấu kỷ niệm của một đời người, một

đời văn. Phố chợ này là nơi Ông rải truyền đơn, những cánh truyền đơn làm xôn xao cả Biên Hòa. Tòa nhà cao ngất kia là nơi Ông xông vào cướp chính quyền trong niềm vui dâng trào. Ôi, trường tiểu học Nguyễn Du nơi cậu bé Sâm đã học



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



những vần thơ đầu tiên khiến tâm hồn cậu càng bay bổng, lãng mạn. Và đây nữa, đường Cách mạng tháng Tám nơi Ông cùng nhà sử học Lương Văn Lựu mở hiệu sách Sông Phố lúc nào cũng tấp nập người ra vào. Ông tới sông Đồng Nai, khúc bến đò Bình Ninh, Ông rửa mặt bằng nước sông như những ngày thơ bé đã rửa. Nhìn đăm đăm về phía xa Lý Văn Sâm đã nhận ra cái làng của mình với vạt mía xanh rì, bắp trở cờ phát phơ. Ông chợt thấy lạ lùng vì chỉ một khúc sông thôi mà có bốn nhà văn nhà thơ: Huỳnh Văn Nghệ, Bình Nguyên Lộc, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bôn. Bộ tứ văn chương Đồng Nai, mỗi người một hoàn cảnh, mỗi người một vẻ. Nhìn xéo lên trên cái làng của mình là cánh rừng bạt ngàn, nơi ngày xưa Ông thường cưỡi ngựa đi thăm các hầm than. Sống giữa núi rừng thâm u, hoang vắng Ông chỉ biết trút nỗi niềm vào cây viết và trang giấy. Ông thầm cảm ơn quê hương đã sinh ra và nuôi dưỡng mình.

Nhà văn đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc Lập hạng nhì, Huân chương Kháng chiến hạng nhất và nhiều huân, huy chương cao quý khác. Những năm cuối đời, tuổi già cộng với tai biến đã không cho phép ông vượt qua tuổi tám mươi. Nhưng dù sao ông cũng đã đón được năm đầu tiên của thế kỷ 21 được hơn tám tháng, 19 giờ 5 phút ngày 14/09/2000, nhà văn Lý Văn Sâm, người con ruột rà xứ Đồng Nai, đã vĩnh viễn ra đi. Nhưng với một người như Lý Văn Sâm, “**Thác là thể phách, còn là tinh anh!**”



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Sau khi ông qua đời nhà thơ Hoàng Tấn (1920-2003) một văn hữu mà cũng là cố nhân, chiến hữu, có bài thơ điệu:

Lý văn sâm ơi!

Từ trời cao bạn xuống đây,

Hạn kì đã hết bạn bay về trời.

Chuyến tàu định mệnh đã xuôi,

Thương Sâm nói chẳng nên lời lòng đau

Đã đành kẻ trước người sau,

Cố nhân ơi! Hỡi đâu màu thiên thanh.

Khóc Sâm cả với lòng thành,

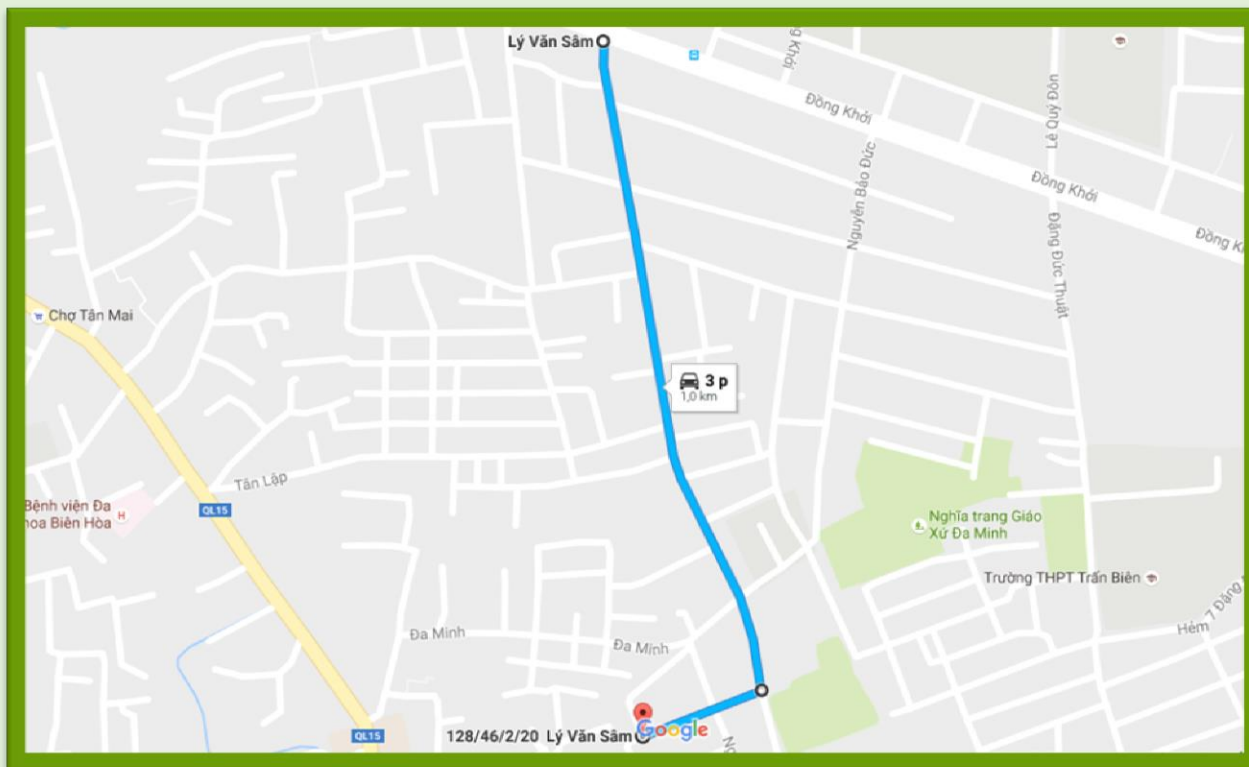
Mắt khô lâu bỗng long lanh lệ nhòa

Chúc Sâm yên giấc miền xa !

Hình 6: Tiên sỹ Huỳnh Văn Tấn và Nhà văn Bùi Quang Huy đọc điệu văn đọc điệu văn tại lễ tang nhà văn Lý Văn Sâm



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 7: Đường Lý Văn Sâm trên bản đồ Google

Để tỏ lòng biết ơn sâu sắc với những công hiến lớn lao của nhà văn, nhà báo Lý Văn Sâm đối với cách mạng Việt Nam, với sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, với sự nghiệp báo chí, văn nghệ, văn học nước nhà nói chung và quê hương Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng, nhân dân và Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đề nghị truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật năm 2006 và lấy tên ông để đặt cho con đường dài khoảng 1 km bắt đầu từ đường Đồng Khởi đến Ban Quản lý ruộng đất (cũ), thuộc phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đường trải nhựa rộng 9m, thông thoáng, giao thông thuận lợi, giúp cải thiện đời sống của người dân phường Tam Hiệp nói riêng và Đồng Nai nói chung





Chân dung Nhà văn: Lý Văn Sâm
Đại biểu Quốc hội khóa VI
Chủ tịch Hội Văn nghệ Đông Nai

Liên
Kỳ - niên
Chuyện
Biên Hòa

Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



LÝ VĂN SÂM- NHÀ VĂN CỦA QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI NAM BỘ

Sinh ra ở vùng đất địa linh nhân kiệt, chỉ một khúc sông Đồng Nai thôi, mà đã sinh ra đến bốn bậc thi nhân lẫy lừng và hào sảng. Một thi tướng Huỳnh Văn Nghệ chọc nước khuấy trời miền Đông một thuở, một nhà văn kể chuyện đường rừng Lý Văn Sâm, một cây viết cần cù, một nhà quay phim đầy trách nhiệm Hoàng Văn Bồn và một nhà văn đi giữa hai làn nước đục trong với những tác phẩm còn mãi với thời gian Bình Nguyên Lộc.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



*Hình 8: Nhà văn Lý Văn Sâm viếng thăm mộ
thi tướng Huỳnh Văn Nghệ*

Bốn người lúc khởi thủy cùng đi một hướng, chỉ sau chín năm kháng chiến, khi thời cuộc đẩy đưa, hai người tham gia trong đội quân tập kết (Huỳnh Văn Nghệ và Hoàng Văn Bôn), còn hai người ở lại Sài Gòn tiếp tục sống với cây súng là ngòi bút của mình (Lý Văn Sâm và Bình Nguyên Lộc).

Mỗi người tùy vị trí của mình, bước vào cuộc kháng chiến mới trong tâm thế và tư thế khác nhau. Bình Nguyên Lộc trong tâm thế của người dinh tề, rời bỏ kháng chiến trong thế đứng chẳng đùng, trở về thành nặng công việc áo cơm, nhưng cũng không quên những bạn bè một thời “nóp với giáo”, nhận ra và giúp đỡ họ bằng những công ăn việc làm thiết thân và vũng chãi.

Lý Văn Sâm đã chọn con đường viết văn như một cách tham gia tích cực vào công cuộc cách mạng của dân tộc. Từ “quê hương rừng thẳm sông dài” (tên một tác phẩm hồi ký tuổi thơ của Huỳnh Văn Nghệ), Lý Văn Sâm đã đến Sài Gòn, ra đi và trở lại Sài Gòn với tư cách một người viết văn, không hơn không



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



kém. Cho dù sau năm 1975 ông ở tại Sài Gòn và về quê Đồng Nai làm quan văn nghệ, ông vẫn được xem là một nhà văn Đồng Nai kiệt xuất trong tứ trụ một thời.

Năm 1941 là năm khởi đầu sự nghiệp văn chương của Lý Văn Sâm, khi có sự xuất hiện của nhà văn trên văn đàn với truyện ngắn Cây nhị sông Phố đăng trên Tiểu thuyết Thứ bảy, những truyện đường rừng đầu tiên của một nhà văn miền Nam. Sau đó nhiều sáng tác của nhà văn được các báo trong Nam ngoài Bắc đăng tải. Ngoài tên thật là Lý Văn Sâm, nhà văn còn sử dụng nhiều bút danh khác như Ánh Minh, Bách Thảo Sương, Mộc Tử lang, Thanh Lý, Huyền Sâm, Đào Lê Nhân, ...

Những năm kháng chiến chống Pháp, trong vòng kìm kẹp của kẻ địch, bằng sức viết cường tráng của mình, Lý Văn Sâm đã công bố nhiều tác phẩm có giá trị đương thời thuộc nhiều thể tài như mảng truyện đường rừng, mảng cuộc sống đô thị và mảng cuộc sống kháng chiến.

Mảng truyện đường rừng là điểm son trong sự nghiệp sáng tác của Lý Văn Sâm. Đây là mảng mà Lý Văn Sâm có nhiều truyện hay và thành công hơn cả. Ông bước vào sáng tác truyện đường rừng từ những ám ảnh của bối cảnh rừng núi thâm li và cao cả của quê hương mình, cũng như từ sự gợi ý của nhà văn Vũ Bằng khi đó đang là thư ký tòa soạn của Tiểu thuyết thứ bảy. Những tác phẩm cụ thể của ông trong tập **Kòn Trô như Thần Ngư Động, Xác Mu Mi trên núi đá, Răng Sa Mát, Voi đội đèn, Ngăn rạch bắt sấu, Mũi Tổ...**, các tập truyện ngắn, truyện vừa khác như **Sương gió biên thù, Sau dãy Trường Sơn,**



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Chiếc vòng ngọc thạch đều là những truyện đường rừng. Nếu tính từ tác phẩm truyện đường rừng đầu tiên là Kòn Trô đăng trên Tiểu thuyết thứ bảy (Tháng 6/1942) đến truyện vừa **Một chuyện oan cừ** viết vào năm 1954, Lý Văn Sâm có khoảng thời gian hơn 12 năm viết truyện đường rừng. Điểm đặc biệt là ông viết truyện đường rừng vào giai đoạn cuối của thể tài này, khi trên toàn quốc gần như không còn ai viết truyện đường rừng nữa, nhưng vẫn được độc giả hoan nghênh. Điều đó có lẽ xuất phát từ nội dung những câu chuyện đường rừng của ông không đơn giản chỉ đem lại cho người đọc những hương vị của cảnh núi rừng hay những phong tục lạ, những chuyện lạ miền ngược như các tác giả khác đã làm mà lúc nào trong truyện của ông cũng có hơi thở của thời cuộc, của những ý hướng tranh đấu.

Trong những truyện đường rừng có yếu tố truyền kỳ như **Răng Sa Mát, Voi đội đèn, Ngăn rạch bắt sấu, Xác Mu Mi trên núi đá**.... Lý Văn Sâm đã kể lại những câu chuyện truyền kỳ độc đáo của các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai cũng như của các lưu dân Việt đến Đồng Nai khẩn hoang lập ấp. Qua những câu chuyện này, người ta thấy hiện lên quang cảnh một vùng đất hoang sơ, dữ dội, nơi cả thiên nhiên và con người đều như còn mang nét hoang dã. Song đồng thời, ông cũng chỉ ra rằng, trong những con người của núi rừng ấy, vẫn tồn tại bao phẩm chất tốt đẹp như lòng dũng cảm, tình yêu thương sâu sắc đối với những người thân yêu trong gia đình. Giữa hoàn cảnh khốc liệt của rừng núi, con người trong tác phẩm truyện đường rừng vẫn đối xử với nhau thật nhân hậu, bao dung và cao thượng: con hy sinh vì cha, chồng thương vợ nên ngăn rạch bắt sấu... Nhờ những



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



truyện ngắn đường rừng có tính truyền kỳ này của Lý Văn Sâm, người đọc đương thời đã có thể có cái nhìn chính xác hơn về thế giới tâm hồn con người miền rừng núi Nam Bộ, trong đó có đồng bào các dân tộc thiểu số.

Mặt khác, trong những truyện đường rừng được viết trước 1945, ông thường xây dựng các kiểu nhân vật như Kòn Trô (**Kòn Trô**), Châu Phiên (**Rồng bay trên núi Gia Nhang**) ... Mỗi người một hoàn cảnh, một số phận khác nhau nhưng đều là những người hùng cô đơn, dũng cảm có thừa nhưng cũng đầy thất vọng về cuộc đời, trốn chốn phồn hoa đô thị mà tìm đến nơi rừng xanh núi đỏ, hy vọng có thể lập một cõi riêng có tự do như họ quan niệm. Những nhân vật này đáp ứng khát vọng về tự do, nhân nghĩa, về sự công bằng trong xã hội của người dân trước Cách mạng tháng Tám. Khi người dân Nam Bộ cùng nhân dân cả nước vùng lên giành độc lập tháng 8-1945, rồi ngay sau đó lại bước vào những ngày chiến đấu chống Pháp ác liệt, chúng ta sẽ gặp lại những mẫu nhân vật ấy của Lý Văn Sâm nhưng trong một tư thế khác. Họ đang ở chiến khu ,trên đường hành quân, hay đang chiến đấu, truy đuổi quân thù.... Có khi, họ bị đặt vào những hoàn cảnh ngặt nghèo của cuộc chiến nhưng vẫn sẵn sàng hy sinh không tiếc nuối vì chính nghĩa cách mạng, vì đất nước. Những câu chuyện, những nhân vật đó như là lời thúc giục đấu tranh giữ lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc, bởi không có tự do của cả một dân tộc thì cũng sẽ chẳng có tự do nào cho mỗi con người. Do đó, mảng truyện đường rừng của Lý Văn Sâm không chỉ nhiều về số lượng mà còn có ý nghĩa xã hội, có chất văn học đậm đà, đã góp phần khẳng định chỗ đứng của ông trong lòng bạn đọc toàn quốc lúc đó.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Trong tương quan giữa ba mảng sáng tác: mảng truyện đường rừng, mảng truyện đô thị và mảng truyện kháng chiến, mảng truyện đường rừng không phải là mảng chiếm ưu thế về số lượng. Thế nhưng nó lại có vị trí rất quan trọng. Có thể nói đây là mảng làm nên tên tuổi nhà văn, khẳng định vị trí của ông trong nền văn học nước nhà. Nhà văn Sơn Nam kể: “*Lý Văn Sâm ra mắt rất sớm, cũng như trường hợp nhiều nhà văn, nhà thơ thuộc thế hệ trước. Năm 19 tuổi, truyện ngắn của anh được đăng trên Tiểu thuyết thứ Bảy, Hà nội, năm 1941. Trong không khí văn chương bấy giờ, ở Nam kì thiếu tạp san chuyên về văn học, chỉ ở nơi “ngàn năm văn vật” mới có văn chương đứng đắn. Đăng bài ở Hà Nội. Tức là kiểu tán phong một nhà văn có tầm cỡ*”. Một trong những truyện ngắn mà Sơn Nam nhắc đến ở đây có sáng tác truyện đường rừng đầu tay của Lý Văn Sâm: **Kòn Trô**. Tuy nhiên, đâu chỉ bạn đọc lúc bấy giờ say mê và đánh giá cao Kòn Trô. Năm 1999, trong bài “*Nhà văn Lý Văn Sâm tìm được đứa con lưu lạc năm mươi năm*” đăng trên báo Sài Gòn giải phóng thứ bảy, nhà văn Lý Lan một lần nữa khẳng định: “*một truyện Kòn Trô cũng đủ để ông thành danh suốt đời...*” Điều này chứng tỏ Kòn Trô nói riêng, truyện đường rừng của Lý Văn Sâm nói chung đã khẳng định được giá trị của mình qua sự thẩm định của thời gian.

Nhìn lại toàn bộ những sáng tác của Lý Văn Sâm, có thể thấy dù viết ở đề tài nào, Lý Văn Sâm cũng kín đáo bộc lộ tư tưởng tranh đấu. Bởi vì, Lý Văn Sâm trước hết là một nhà văn cách mạng. Mảng truyện đường rừng cũng vậy, mặc dù đúng như nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Sâm nói “*...đem ý hướng tranh đấu vào tác phẩm phiêu lưu, đường rừng là việc khó khăn*”. Ngay từ tác phẩm đầu tay là Ròn Trô, qua hình ảnh nhân vật tướng cướp Kòn Trô phản kháng với xã hội thực tại, vào rừng sâu lập



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



một thế giới riêng, nhà văn đã bộc lộ cái nhìn phản kháng xã hội. Chính Lý Văn Sâm cho chúng ta biết “*Còn về mặt nhận thức, đúng là trong quá trình viết, tôi có một số bạn bè khuyến khích. Họ đề nghị tôi đưa một số ý mà họ cho là tiến bộ vào trong truyện. Sau này, một số anh em đó là cán bộ lãnh đạo cướp chính quyền năm 1945. Ví dụ trong truyện ngắn Kòn Trô có hai nhân vật được đặt tên là Lành và Đại là do các anh Nguyễn Văn Lành tức Luru Nam và Hồ Văn Đại đã giúp cho tôi một số ý kiến đúng đắn để viết truyện này*”. Và những truyện đường rừng sau năm 1945 như **Mũi Tổ, Sương gió biên thày, Tiếng rên trong rừng lạnh, Ngày ra đi, Mười lăm năm hận sử...**, ngày càng bộc lộ rõ lí tưởng chiến đấu vì độc lập tự do của dân tộc. Rõ ràng, mảng truyện đường rừng đã góp phần tạo nên nhà văn tranh đấu Lý Văn Sâm. Tìm hiểu cuộc đời nhà văn, chúng ta có thể thấy một điểm khá thú vị. Đó là những sáng tác truyện đường rừng đã phản ánh khá rõ nét quá trình trưởng thành về mặt tư tưởng cách mạng của ông. Nói như nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy là “*truyện đường rừng của Lý Văn Sâm là sự bắc cầu từ tinh thần lãng mạn đầy ý nghĩa nhân sinh đến với lí tưởng đấu tranh vì độc lập, tự do, dân tộc theo ánh sáng cách mạng của nhà văn sau này*”.

Kể từ sau truyện vừa Một chuyện oan cừ viết vào năm 1954, Lý Văn Sâm hầu như không viết thêm tác phẩm truyện đường rừng nào khác. Một phần có thể vì lúc này, hoàn cảnh đất nước đang đặt ra nhiều vấn đề mới, cần một hình thức văn học phản ánh khác hơn là truyện đường rừng. Cho nên, từ 1954 trở đi trên toàn quốc hầu như không còn ai viết truyện đường rừng, thị hiếu văn chương của người đọc có phần thay đổi. Nhưng có lẽ, lý do chính là sau khi Lý Văn Sâm tham gia lực lượng văn



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



nghệ Giải phóng ở Chiến khu Đ, ông phải sống trong một hoàn cảnh chiến đấu rất gian khổ với những nhiệm vụ cách mạng mới. Ông đảm trách nhiều công việc tuyên truyền phục vụ cuộc kháng chiến của Đoàn văn công Giải phóng, làm báo Văn nghệ Giải phóng,... nên không còn thời gian dành cho công việc sáng tác nữa, mặc dù, nhà văn từng tâm sự “*trong lúc đang đánh Mỹ, ngay những lúc hoạt động căng thẳng, gay go nhất y có đêm tôi vẫn trần trọc nghĩ tới công việc sáng tác, những trang viết bỏ dở...*”. Ông đã đặt nhiệm vụ cách mạng lên trên hết. Tuy nhiên, những tác phẩm của ông, đặc biệt là truyện đường rừng cũng đủ để tên tuổi của ông sống mãi trong nền văn học Việt Nam hiện đại.

Trong mảng viết về cuộc sống đô thị, Lý Văn Sâm thường viết về những chuyện thường nhật của những nhân vật tiểu tư sản thành thị, về cảnh cơ cực những người dân nghèo thuộc tầng lớp dưới đáy xã hội trong những truyện ngắn như **Lạc loài, Mưa Sài Gòn, Rửa hờn, Ngoài mưa lạnh, Thăm một ngọn đèn, Ngàn sau sông Dịch** ... Như ông nói: *Đây là môi trường quen thuộc gồm gia đình, bạn bè và bà con các khu lao động nơi tôi thường đi lại hoặc ở trọ lâu ngày. Và cả chính tôi nữa! Kinh nghiệm rút ra của tôi là: “viết về môi trường và những người mình thân thuộc là dễ hay, dễ thành công hơn cả”*. Đặc biệt, trong mảng truyện này, chúng ta thấy hiện lên nổi bật nhất là cuộc sống chật vật, khốn đốn từ vật chất đến tinh thần của những người trí thức thành thị nghèo. Họ khổ không phải chỉ vì kiếm sống vất vả, mà còn vì những cuộc bắt bớ, bó rập, giam cầm xảy ra liên miên. Nhân vật Huyền trong **Thăm một ngọn đèn** chỉ vì “*bị tình nghi bạo động*” mà anh phải trải qua hai năm dài lao lý, khi được ra tù thì vợ con đói rách đã phiêu bạt về quê ngoại. Bản thân anh phải sống nhờ vào bè bạn, cũng là những người khổ



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



cực không kém gì anh. Ước mơ của anh là khi ra tù sẽ có một chiếc bàn và ngọn đèn để viết, thế mà mãi không thực hiện được. Nhiều chuyện khác viết về cuộc sống thực của người viết văn, làm báo thời đó thực cảm động. Họ viết trong cảnh túng quẫn bần hàn, trong cảnh vợ đói con khóc, trong tiếng eo sèo của các chủ nợ. Họ chết vì không có tiền mua thuốc lúc ốm đau. Nhưng trong hoàn cảnh đó, họ vẫn phải đấu tranh với những cám dỗ vật chất để giữ “*sắc đỏ trong lòng người cầm bút*” (**Mẫu tâm tình của một cây bút**). Trong mảng này cũng có những truyện hay như **Nắng bên kia làng, Tàn một đời thơ** viết về những trí thức vì một lý do khách quan nào đó đã phải “hồi cư” về thành, thậm chí có những trường hợp sa ngã, đánh mất bản ngã, mất khát vọng nghệ thuật để chạy theo tiền tài vật chất. Nhiều truyện diễn tả rất thật những băn khoăn, trăn trở, xót xa của những con người phải sống cảnh “*hàng thần lơ láo*”. Những truyện ngắn như vậy, đã tạo một âm hưởng tố cáo, phê phán hiện thực xã hội đương thời, vạch trần tội ác của cuộc chiến do quân xâm lược gây ra.

Có thể thấy, là người trong cuộc, nắm trái sâu sắc tất cả những cái gì mà nhân vật của ông trải qua, Lý Văn Sâm có một lợi thế rất lớn trong việc miêu tả các nhân vật tiểu tư sản trí thức vùng tạm chiếm. Trong Từ điển văn học (bộ mới), nhà nghiên cứu Trần Hữu Tá nhận xét: *Hiểu biết sâu sắc tâm trạng người trí thức trong vùng Sài Gòn tạm chiếm, ông (Lý Văn Sâm) thể hiện một cách sinh động cuộc sống tù túng, bế tắc của họ.*



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Bên cạnh đó, Lý Văn Sâm còn có những câu chuyện viết theo lối “*biểu tượng hai mặt*” phê phán mạnh mẽ tính chất bù nhìn của chế độ Ngô Đình Diệm. Trong đó, truyện **Chuông rung trên tháp** đã gây tiếng vang lớn thời bấy giờ. Nhưng cũng chính truyện này đã khiến ông bị mật vụ chế độ Ngô Đình Diệm bắt vào tù.

Trong mảng viết về cuộc sống kháng chiến Lý Văn Sâm còn sáng tác nhiều về đề tài cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc. Ông đề cao và ca ngợi cuộc kháng chiến của nhân dân ta lúc bấy giờ, ở giữa vùng thành thị cũng có nghĩa là tuyên chiến công khai với chính quyền thực dân, vạch mặt chỉ tên kẻ xâm lược và đám tay sai. Trong điều kiện “*vừa viết lại vừa lách*”, Lý Văn Sâm đã khôn khéo biểu dương tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến của dân tộc, vạch trần tội ác và sự phi nghĩa của kẻ địch. Lý Văn Sâm đã phản ánh khí thế của những ngày khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám ở miền Nam, những ngày Nam Bộ kháng chiến đầy khói lửa, hy sinh mà cũng thật hào hùng. Điều đặc biệt là đề tài những truyện về cuộc sống kháng chiến hầu như đều hướng về những chuyện rất thời sự, nhưng vẫn được viết rất nghệ thuật. Những tác phẩm như **Nga và Thuần, Mây trôi về bắc, Hoàng hôn sắc tím, Nắng bên kia làng...** dù còn phải dùng cách nói ẩn, nói lách (để tránh sự kiểm duyệt của địch) đã phần nào xây dựng được hình ảnh những làng quê kháng chiến, con người kháng chiến, biểu dương, ngợi ca những anh bộ đội, chị du kích, người nữ cứu thương dũng cảm, tận tụy, những bà mẹ làng quê chăm sóc thương binh, tử sĩ, những cuộc tiễn đưa người lên đường đi kháng chiến v.v... Nổi bật, trong mảng truyện này, đã có những truyện mà trong đó Lý Văn Sâm đã nêu cao lòng yêu nước, lên án những kẻ theo giặc, phản bội giống nòi. Như truyện **Qua bên**



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



lạnh kể lại những hành động dũng cảm của cô lái đò xinh đẹp tên Tiệp. Đã hơn năm năm, cô yêu thương và chờ đợi một người con trai đã đi khỏi làng để “*gây lầy công danh*”. Nhưng khi người ấy trở về thì cô mới biết thứ công danh mà người yêu mình theo đuổi là theo giặc, “*đi ngược dòng lý tưởng*”. Cô đã tìm cách “*lật úp chiếc đò xuống nước*”, “*lấy sông làm mồ*”, giết cả tiêu đội lính giặc, trong đó có người mà cô đã từng một thời yêu thương và bị phản bội. “*Dòng sông quê hương vẫn hai buổi lớn, ròng. Nhưng không ai còn nghe tiếng hát thanh tao của cô lái đò tên là Tiệp. Cô đã kết thúc đời mình dưới đáy sông cùng với gã tình nhân đã đi ngược dòng lý tưởng*”

Qua mảng truyện này, hình ảnh của một cuộc chiến tranh nhân dân thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ đã được phản ánh trong tác phẩm Lý Văn Sâm, giúp cho người dân thành thị hiểu đúng về chính nghĩa của cuộc kháng chiến, về con người kháng chiến.

Có thể nói Lý Văn Sâm cả ba mảng truyện: truyện đường rừng, truyện về cuộc sống thành thị, truyện kháng chiến có liên quan mật thiết với nhau vì cùng thể hiện thế giới quan và nhân sinh quan của nhà văn. Trong điều kiện sáng tác văn học trong vùng tạm chiếm, để tránh lười kéo kiểm duyệt, Lý Văn Sâm đã vận dụng linh hoạt ưu thế của từng mảng. Chẳng hạn, có những hiện thực không viết được bằng hình thức trực diện, nhà văn sử dụng thể tài truyện đường rừng, nói bằng biểu tượng, để diễn tả được ý mình mà tránh được kiểm duyệt. Đặc điểm này dẫn đến sự giao thoa giữa mảng truyện đường rừng và mảng truyện kháng chiến ở nhiều truyện như **Sương gió biên thùy**, **Vực thẳm**,... (trường hợp nhân vật tham gia cuộc kháng chiến diễn ra



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



trong bối cảnh rừng núi), **Mũi Tỏ, Ngày ra đi** ... (trường hợp nhà văn viết truyện kháng chiến nhưng dùng hình thức truyện đường rừng có yếu tố truyền kỳ). Điều đó chứng tỏ mối quan hệ giữa các mảng truyện này là khá hữu cơ, mật thiết.

Qua nghiên cứu nghiệp văn của Lý Văn Sâm tôi cũng có cảm nhận như hiểu đọc giả khác:

Vốn có tâm hồn lãng mạn, tâm hồn ấy lại được tắm trong một vùng quê với bóng núi, hình cây, tiếng chim, lời suối, lại có nhiều năm sống ở Sài Gòn, Đồng Nai, chiến khu Đ, cộng với ảnh hưởng của văn học Pháp, Lý Văn Sâm thường có văn phong mượt mà, uyển chuyển trữ tình giàu chất thơ. Năm 1999, nhà văn Lý Lan viết bài "Nhà văn Lý Văn Sâm úm được đưa con lưu lạc năm mươi năm" đăng trên báo Sài Gòn giải phóng thứ bảy đã bày tỏ: *Đối với bạn đọc trẻ bây giờ, có lẽ những truyện ngắn của nhà văn Lý Văn Sâm vừa cổ điển vừa tân kỳ: Mới, vì những điều lạ lùng, thú vị mà tác giả kể một cách hồn nhiên và cổ vì phảng phất không khí của thời hồng hoang dã sử. Những câu chuyện ấy làm người ta quên ngay cụ già 80, mà chỉ thấy một thanh niên đầy hào khí Đồng Nai với những trang viết "tình rất chân, thần rất phóng khoáng".*

Giai đoạn cao vút trong sáng tác của ông là từ năm 1947 -1950. Thật lạ lùng trong bốn năm sống vất vưởng trong vòng vây bọc của kẻ thù thì tài năng của ông lại nở rộ nhất. Các sáng tác của Lý Văn Sâm đã hiện lên hình sông, dáng núi, cảnh rừng và nhất là con người miền Đông Nam bộ, đặc biệt là cảnh và người ở hai vùng đất Sài Gòn và Đồng Nai, ẩn dưới lớp vỏ chữ nghĩa là một trái tim của một nhà văn luôn thổn thức với số phận của quê hương, đất nước đang bị giày xéo, luôn lo lắng cho số phận những con người lầm than, bị chà đạp và cao hơn hết là khát vọng giành cho được cuộc sống Độc lập, Tự do, lẽ công bằng. Có



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



lẽ cuộc sống lẫn lộn với những người cùng khổ lại được ánh sáng của Đảng soi rọi đã làm trái tim ông giàu có và trong trẻo đến như vậy.

Có thể nói, bằng bút lực tự thân của một người viết xuất thân từ vùng đồng rừng trù phú, Lý Văn Sâm đã miệt mài với chữ nghĩa để tạo nên những hình tượng văn chương thơ mộng, đẹp đẽ mà không kém phần lung linh, thi vị. Những nhân vật tiểu tư sản hay tầng lớp nghèo thành thị trong mảng truyện đô thị của ông thường vật lộn với cuộc sống khó nhọc, có thân phải biết giữ thân, mà vẫn canh cánh bên lòng nỗi ưu tư về thế thời, về đất nước.

Những truyện ngắn như **Ngoài mưa lạnh, Ngàn sau sông Dịch, Mưa Sài Gòn hay Nắng bên kia làng, Tàn một đời thơ** đã phần nào nêu lên được những hiện thực sống động của cuộc sống đô thị luôn bị kìm hãm nhưng vẫn sáng ngời ý chí tự tôn, tự tin.

Về mảng đề tài chuyện kháng chiến, có thể nói Lý Văn Sâm đã thật sự nhuần nhuyễn trong cách diễn đạt để vẫn nói về những người trong rừng kháng chiến mà kẻ thù không thể vu cho ông tội tuyên truyền chống chế độ được. Hình ảnh người du kích, chị cứu thương, và những hoạt động trong vùng kháng chiến được tác giả cài cắm vào trong các tác phẩm như **Nắng bên kia làng, Mây trôi về bắc hay Hoàng hôn sắc tím...** đã phần nào giúp cho người đọc thành thị hiểu người kháng chiến và cuộc chiến đấu chính nghĩa của họ.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Chuyện đường rừng của Lý Văn Sâm mang đầy màu sắc thơ mộng với cảnh núi non rừng đồi hoang vu bát ngát, có những cuộc đời nông dân cơ cực, những luật tục đáng tự hào, những chuyện tình éo le ít nhiều hơi hướng hoang dã và tự nhiên trong **Kòn Trô, Sương gió biên thuỳ hay Rồng bay trên núi Gia Nhang**.

Những con người trong tác phẩm của Lý Văn Sâm là những nhân vật trí thức nửa vời, trông chừng trước thế cuộc với nhiều chọn lựa được hơn, nhưng cuối cùng còn giữ được chút lòng son để về với nhân dân, về với cộng đồng trong niềm tin chính nghĩa. Bùi Quang Huy, tác giả Tuyển tập Lý Văn Sâm, đánh giá cao mảng viết về người trí thức: *Lý Văn Sâm trở thành một trong những cây bút hiếm hoi khắc họa nhiều gương mặt trí thức một cách chân thực và sinh động. Ông vạch rõ cuộc sống quần quanh, vô vọng, vô vị của họ trong lòng chế độ cũ mà vẫn nhìn thấy đấy là những người đêm đêm "thèm một ngọn đèn" rồi kích thích họ "thoát ly" để "trở về" với "quê nhau rún". Cũng do hoàn cảnh đặc biệt, nhiều trói buộc của cuộc đời người trí thức vàng tạm chiếm, trong văn chương Lý Văn Sâm được khúc xạ thành chuyện "vợ biau con riu" cảm chân khách nam nhi.*

Là một nhà văn có năng khiếu, trải đời, nhiều năm xông pha trong trường văn trận bút Lý Văn Sâm có nhiều kinh nghiệm trong nghệ thuật kể chuyện. Cái tài kể chuyện của ông là chỉ với vài dòng mở đầu đã tạo dựng được không khí truyện, sau đó ông cuốn người đọc vào không khí ấy và diễn biến câu chuyện cùng sự phát triển tính cách nhân vật. Đọc truyện của Lý Văn Sâm, có thể liên tưởng tới tiếng sáo diều dặt, bay bổng, âm vang chứa đựng tâm hồn cao đẹp. Có thể ví von một cách dễ hiểu là



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



văn học Việt Nam từ những năm 1930 của thế kỷ trước là một dàn nhạc giao hưởng, trong đó mỗi nhạc công chơi một loại nhạc cụ khác nhau, thì Lý Văn Sâm chính là người thổi sáo trong dàn nhạc ấy.

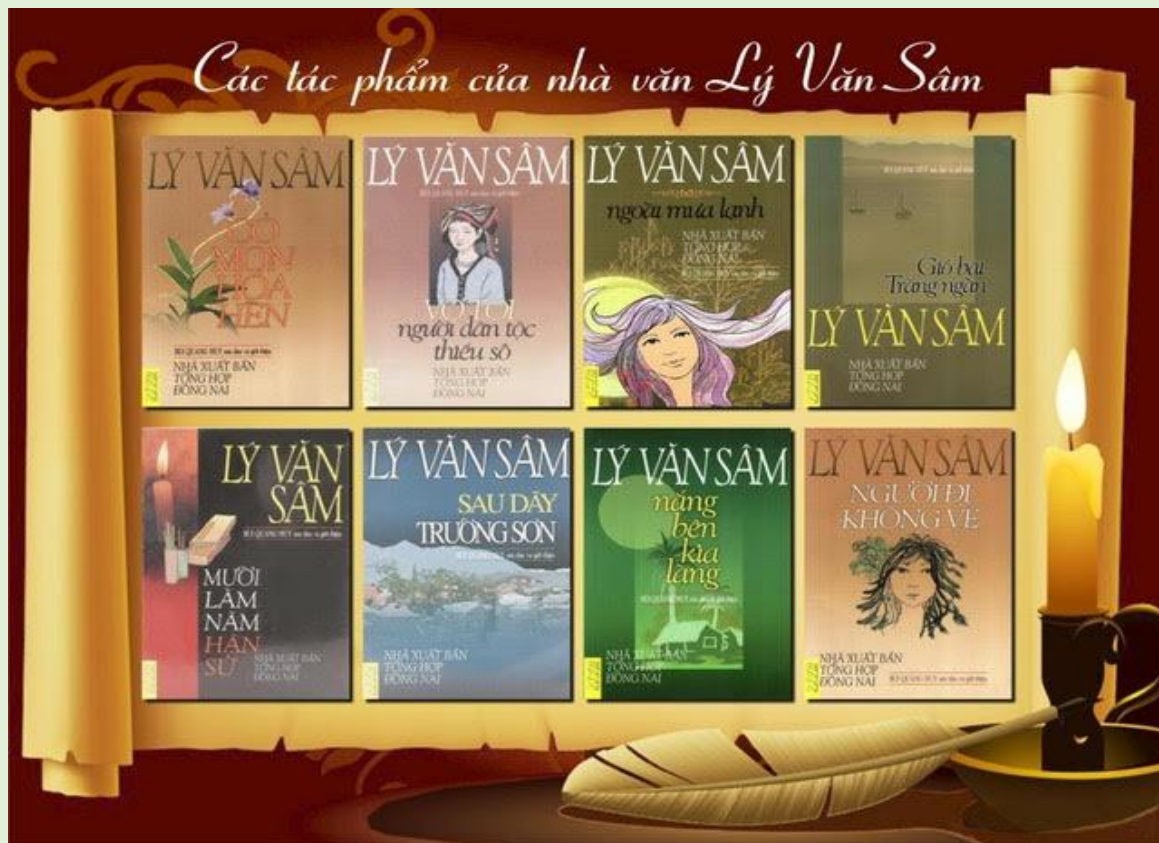
Trong tâm hồn nhà thơ, nhà văn, bao kỷ ức một thời vang bóng. Song, lại chẳng bao giờ kể lể. Cuộc đời văn chương Lý Văn Sâm nằm trọn vẹn trên những nẻo đường dân tộc. Nhà văn gắn bó với quê hương, nơi ông thường gọi bằng cái tên giản dị: "quê nhau rún". Với thiên chức người cầm bút. Lý Văn Sâm đã khắc ghi chân thật bộ mặt quê hương, đất nước. Ông ra đi, nhưng những tác phẩm vừa trữ tình lãng mạn vừa âm vang hào khí miền Đông anh hùng, đã trở thành niềm ngưỡng mộ của độc giả nhiều thế hệ vẫn còn lại: Kòn Trô (1941), Mười lăm năm hận sử (1947), Nắng bên kia làng (1948), Sương gió biên thùy (1948), , Sau dãy Trường Sơn (1949), Bức chân dung (1983), Bến xuân (1985), Ngàn sau sông Dịch (1988). Trong đó, tác phẩm Kòn Trô và Sương gió biên thùy là những “truyện đường rừng” độc đáo, lãng mạn, trữ tình, đậm chất anh hùng ca lấy bối cảnh, nhân vật thuộc về vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ. Hai tác phẩm này được Hãng phim truyền hình thành phố Hồ Chí Minh chuyển thể kịch bản, dựng phim và công chiếu.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Các tác phẩm của nhà văn Lý Văn Sâm



Các tác phẩm của nhà văn Lý Văn Sâm

Mây trôi về Bắc (Nam Việt, 1947)

Chiếc vòng ngọc thạch (nt, 1949)

Xin đắp mặt tôi mảnh lụa hồng (nt, 1947)

Kèn Trô (Tân Việt, 1949)

Sông vô bờ xa (Nam Việt, 1949)

Cỏ mọc hoa hèn (nt, 1949)

Vân Phay Khùn (nt, 1949)

Đất khách (Tân Việt Nam, 1949)

Mani biêu châu (Tân Việt Nam, 1949)

Trong cơn li loạn (Trt, 1949)

Rồng bay trên núi Gia Nhang (Sông chung, 1949)

Nợ nước thù nhà (Tân Việt Nam, 1949)

Kiếp này thôi đã lỡ (Nam Việt, 1949)

Sau đây Trường Sơn (nt, 1949)

Mười lăm năm hận sử (nt, 1949)

Ngoài mưa lạnh (Sông chung, 1949)

Nắng bên kia làng (Sông chung, 1949)

Sương gió biên thủy (Phạm Văn Sơn, 1950_

Người đi không về (kịch, nam việt, 1950)

Bên xuân (Đồng Nai, in chung, 1980) & 1 số truyện ngắn với các tác giả



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Trong một thời gian dài, vì nhiều lý do, rất nhiều tác phẩm của Lý Văn Sâm bị thất lạc. Tác phẩm của ông vì thế rất ít được công chúng biết tới, thậm chí có lúc tưởng chừng nhà văn đã bị chìm trong lãng quên. Nhưng Ông còn có đồng đội, còn có bạn văn và còn có những người kế tục tâm huyết trong vườn ươm văn học Đồng Nai như Tiến sĩ, nhà văn hóa Huỳnh Văn Tới, nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy ... đã sưu tập đưa tác phẩm của Ông trở lại với bạn đọc cả nước. Sau một quá trình sưu tập công phu, năm 2002 nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy đã hoàn thành công trình Lý Văn Sâm toàn tập, gồm 3 tập, tổng cộng 1613 trang in. Ngoài ra, Bùi Quang Huy còn tập hợp những bài viết tiêu biểu về Lý Văn Sâm in thành tập *Trang sách hồng mở giữa đời hoa*. Điều đáng trân trọng là anh đã dành nhiều tâm huyết tìm hiểu về cuộc đời và văn chương Lý Văn Sâm. Từ nhiều nguồn tư liệu đáng tin cậy về Lý Văn Sâm, Bùi Quang Huy đã dựng lên một cách chân thực và sống động "*chân dung một nhà văn*" với mong muốn là *qua những trang viết này, bạn đọc có dịp hình dung về một con người tài hoa đã sống hết mình trong cuộc đời đầy "sương gió"*. Đặc biệt, trong phần "*thế giới nghệ thuật*", trên cơ sở tìm hiểu, phân tích một số tác phẩm tiêu biểu của Lý



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Hình 10: Nhà văn Lý Văn Sâm và nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy (1995)

Văn Sâm (từ mảng truyện đường rừng đến truyện xã hội tranh đấu ở đủ các thể loại truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết, kịch...) ở cả hai mặt nội dung và nghệ thuật, Bùi Quang Huy đã đưa ra một số ý kiến thuyết phục. Chẳng hạn như nhận xét về giọng văn của Lý Văn Sâm sau đây: *Giọng văn của Lý Văn Sâm bao giờ cũng là lời tâm tình, thiết tha, nồng nàn về quê hương, đất nước, về lẽ sống còn của dân tộc. Có thấy được sự gắn bó thiết tha của nhà văn với "quê nhau rún" mới cảm nhận được điều này. Riêng về mảng truyện đường rừng, trong bài viết "Thâm u và cao cả", Bùi Quang Huy đã đối chiếu truyện đường rừng của Lý Văn Sâm với các sáng tác đường rừng của Lan Khai, Thế Lữ, Tchya... để khám phá ra những nét riêng độc đáo đã tạo nên "một chỗ đứng riêng" của*



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Ông trong thể tài này. Có thể ghi nhận một số ý kiến rất đáng lưu ý như:

- Lý Văn Sâm viết truyện đường rừng chính là "Ông sáng tác về cuộc sống của chính bản thân và những người chung quanh mình."

- Mục đích sáng tác truyện đường rừng: "Ông tìm cách gói gắm khát vọng, những đòi hỏi tự chính bản thân mình vào văn chương. Khát vọng ấy là tự do, công lý, cuộc sống đầy tình nhân ái - những điều mà xã hội thời bấy giờ không thể có được."

- "Thiên nhiên là môi trường sống thật sự, đặc biệt luôn chan hòa ánh sáng và đầy chất hùng tráng, nghĩa hiệp."

- "Nhà văn tìm thấy ở những "mã thượng giang hồ" hình bóng của những con người nghĩa khí, khát khao tự do, không cam chịu bất công. Bởi vậy, về tính cách, những "mã thượng giang hồ" mà Lý Văn Sâm dày công xây dựng mang khí khái "Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha" của những Lục Vân Tiên, Vương Tử Trực trong truyện thơ Nguyễn Đình Chiểu".

Có thể nói đây là một bước tiến trong việc tìm hiểu truyện đường rừng của Lý Văn Sâm.

Năm 2004, Từ điển văn học-bộ mới ra đời, trong đó có mục từ "Lý Văn Sâm" (do nhà nghiên cứu Trần Hữu Tá viết). Nội dung mục từ này đã khái quát khá đầy đủ về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhà văn Lý Văn Sâm. Từ điển văn học - bộ mới đã đánh giá "Là một nhà văn miền Nam tiêu biểu của nửa cuối thế kỷ XX, Lý Văn Sâm đã có đóng góp xứng đáng cho nền văn học dân tộc".





LÝ VĂN SÂM – MỘT CUỘC ĐỜI BÌNH DỊ ĐẦY KHÍ PHÁCH VÀ TÌNH NGƯỜI

Mười ba năm làm Chủ tịch Hội Văn nghệ Đồng Nai (1979 - 1993), nhà văn Lý Văn Sâm ở lại trong căn phòng đơn sơ của Hội. Một cái bàn, một cái giường, vài ba bộ quần áo, dây mai-xo để đun nước là tài sản của Ông những ngày ở Hội. Ông tránh những buổi tiệc tùng sang trọng, xa lánh đám đông ồn ào, không thích đao to búa lớn, sống ẩn nhẫn chìm khuất giữa mọi người.

Những năm tháng tuổi già nhà văn Lý Văn Sâm có nhiều tâm tư, nhiều khi đến Hội Ông ngồi thừ một mình ngẫm nghĩ về nghề văn. Viết về cái mới thì sao bằng lớp trẻ, viết về cái cũ cũng phải khác đi chứ cứ lối cũ ta về thì ai đọc. Cái thời chú phát tiết tinh hoa chữ nghĩa kéo dài hơn mười năm (1941 - 1956) nay còn đâu nữa. Viết ầu để kiếm tiền thì tự nhận chìm tên tuổi. Là nhà văn tài hoa, lừng lẫy một thời ông có quan niệm nghiêm ngặt về văn chương và nhà văn. Ông thường tâm sự với các nhà văn trẻ: *“Văn chương có nhiều loại lắm, văn chương chính đạo là thứ văn khó làm nhất nhưng đó mới chính là con đường nhà văn đeo đuổi...”*

Nét sinh hoạt của nhà văn Lý Văn Sâm cũng có nhiều đặc biệt. Hầu như Ông không ăn thịt cá, rau đậu, chỉ ăn dọc mùng... bột Bích Chi. Năm 1991 đi trại sáng tác ở Long Hải mọi người ngồi quanh bàn ăn ê hề các món đặc sản biển, mọi người không



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



thấy Ông ăn vì Ông đã có bột Bích Chi. Ông nghiền cà phê, mỗi ngày hai ba cữ, không kén chọn loại cà phê nào. Uống không nhâm nhi mà theo kiểu người lao động, ực một cái là hết. Ông uống cùng bạn bè kháng chiến, bạn văn, còn thuốc thì gần như liên tục điều này nối điều khác, toàn loại thuốc nặng như Đà Lạt, Hoa Mai, những ngón tay xương xẩu ám vàng khói thuốc...

Ông đã giữ những chức vụ cao trong kháng chiến nhưng ông sống rất giản dị và nhẹ tênh với bao cám dỗ của danh vọng, tiền tài. So với những nhà văn cùng thời đã từng có thời gian hoạt động thời kỳ đầu kháng chiến, Lý Văn Sâm có gương mặt của một người trí thức ưu thời mẫn thế, dáng người trông rất thanh tao nhưng vô cùng cường tráng. Dù ở cương vị nào, người ta cũng dễ dàng nhận ra ông, một con người nhẹ nhàng từ tốn trong dáng đi, dáng đứng, cách nói, trong cách công việc điều hành công việc và trong cách hành xử giao tiếp thể hiện được nhân cách của ông – một nhân cách lớn. Với vóc dáng khiêm nhường, Lý Văn Sâm là hình ảnh khó quên trong lòng những người hoạt động văn học nghệ thuật ở Đồng Nai nói riêng, ở miền Đông Nam Bộ và cả Nam Bộ nói chung. Nhờ có ông cùng nhà văn Hoàng Văn Bôn mà so với các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Đồng Nai đã trở thành một vườn ươm văn học.

Có lẽ cuộc sống giữa không gian rừng thẳm sông dài thời thơ ấu và thời gian hoạt động văn chương trong vòng vây bọc của kẻ thù đã ảnh hưởng đến phong cách bình dị của Ông. Từ năm 1947 đến năm 1950 nhà văn cộng sản Lý Văn Sâm sống vất vưởng rày đây mai đó bằng tiền nhuận bút, chưa viết được thì ứng trước tiền, có nhuận bút thì trừ sau. Cơm đĩa, bánh mì, cà phê vọt, thuốc lá loại xoàng, ngủ trên bàn, trên chông sách báo, ở gác xép... Cuộc sống bình dị của Ông đã ảnh hưởng đến



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



phong cách viết văn của Ông. Bên cạnh những đặc điểm mà những nhà văn Nam Bộ khác thường vận dụng, Lý Văn Sâm đã thể hiện được những nét riêng của mình. Đó là cách diễn đạt khéo léo mà không quá cầu kì, hoa mỹ; mộc mạc, chân thành, giản dị, dễ hiểu nhưng cũng không vì thế mà mất đi tính thẩm mỹ của ngôn ngữ văn học. Nét riêng ấy thể hiện trong việc sử dụng thuần thực ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày. Ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày vốn vô cùng phong phú, đa dạng và phức tạp. Lý Văn Sâm là nhà văn thuần túy Nam bộ, lớn lên giữa vùng núi rừng thâm u và cao cả vì thế cuộc sống chốn núi rừng đã ăn sâu vào tiềm thức của ông. Đến khi cầm bút, con người, cảnh vật và cuộc sống ở quê hương cũng đi vào những trang văn của ông một cách tự nhiên, gần gũi. Đọc truyện ngắn của Lý Văn Sâm, ta có dịp làm quen với lời ăn tiếng nói của con người vùng núi rừng Đông Nam bộ qua ngôn ngữ của nhân vật và chính người kể chuyện.

Biểu hiện dễ thấy nhất chính là lối xưng hô, gọi tên nhân vật mang đậm dấu ấn núi rừng Đông Nam bộ. Trong giao tiếp người Nam bộ thường gọi nhau bằng lối xưng hô thứ bậc trong gia đình, vì thế trong các truyện ngắn của mình, Lý Văn Sâm thường gọi nhân vật bằng những cái tên quen thuộc để nhớ như bác Năm Trừu, ông Ba, cô Sáu, dưỡng Sáu, thầy Hai, anh Tư lục lộ, Ba Lũy... Ngoài ra, Lý Văn Sâm còn gọi nhân vật của mình bằng những cách gọi thân mật hàng ngày như: “cỏ” thay cho “cô ấy”; “mình” thay cho “em hoặc anh trong quan hệ vợ chồng”. Thỉnh thoảng, ta còn bắt gặp trong tác phẩm của ông những cách gọi khá mới nhưng gần gũi với lối xưng hô quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày của con người nơi đây như “lão” thay vì ông ấy, “bây” thay cho bay.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Sự bình dị còn được thể hiện qua những phát ngôn khiêm tốn. Ông chưa một lần phát biểu theo kiểu tuyên ngôn về quan niệm sáng tác của mình. Ông cũng không nhận mình là một cây bút tài năng. Trong một bức tâm thư gửi bạn đọc đăng trên báo Thế Giới dưới bút danh Ánh Minh, Lý Văn Sâm đã viết: *Không! Tôi chưa có gì xuất sắc cả. Tôi chỉ là một cây bút may mắn giữa làng văn, những năm gần đây, trong khi văn đàn thưa vắng hầu hết những anh tài*

Tôi đã làm gì đáng ca ngợi?

Tác phẩm tôi có sống được muôn đời thành một áng hương thơm trong văn học sử không?"

Thời gian ở trong rừng, nhà văn Lý Văn Sâm được “phong” là “kiện tướng đào củ chụp”. Đó là một loại củ rừng dùng làm thức ăn thay cơm của bộ đội, lúc không có gạo, có muối để ăn. Từ kinh nghiệm mấy năm ở bộ đội, Ông đề xuất sáng kiến này phổ biến với Ban Tuyên huấn R. Các đồng chí lãnh đạo rất tán thành và phong cho Ông làm “tướng” dẫn các anh chị em “xuất phát”... lên đường đào củ chụp”. Ông đã nhắc lại chuyện này rất hứng khởi nhưng rất khiêm tốn: *“Nói “kiện tướng” là hơi quá đáng. Tôi chỉ đào củ chụp vào loại “thường thường bậc trung” thôi.*

Trong cái bình dị của Ông lại hàm chứa khí phách hơn người. Ông sống lay lắt bốn năm trời ở “Hòn ngọc Viễn đông” xung quanh dày đặc, tua tủa bọn mật vụ, bọn lính, lũ phản bội... Nhân vật Grigori của Sô-lô-khốp chỉ ngủ một mắt, một mắt thức để coi chừng đời, Lý Văn Sâm ngủ phải mở cả hai mắt. Hễ động là vọt. Mỗi tuần lễ phải đổi chỗ ở không dưới ba lần, có đêm phải đổi chỗ ở hai lần. Với vóc người nhỏ nhắn nhưng nhanh nhẹn ông đã trườn trên mái tôn nóng hầm hập, luồn dưới ống



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



cồng ngập nước, chạy trong những con hẻm ngoắt ngoéo, lao vào đám đông để trà trộn, nhảy lên xe đò để tẩu thoát. Các bút danh thay đổi liên tục. Hơn chục cái bút danh, nhưng phải quên những bút danh, nếu không đang mơ màng bị bọn công an chìm quất tên bút danh tự nhận là tra tay vào còng số tám. Trong hoàn cảnh như vậy nhưng Ông “dùng cán bút làm đòn xoay chế độ” khơi dậy tình yêu quê hương đất nước, tinh thần quật khởi, đã phá chế độ tàn ác của thực dân Pháp và bè lũ tay sai..

Cũng trong thời gian này ông trở thành cán bộ điệp báo khéo léo khai thác nhiều thông tin cho công cuộc kháng chiến, nhất là thông tin về các nhà văn nhà báo phản động. Năm 1950 Lý Văn Sâm vào chiến khu và sau hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 ông quay trở lại thành. Với dũng khí và tài năng của mình ông đã bắn một phát đại bác vào chế độ Ngô Đình Diệm bằng truyện ngắn Chuông rung trên tháp đổ. Bút danh Bách Thảo Sương của Lý Văn Sâm bị lộ, ông bị bắt giam ở bót Catina. Tên Chánh mật thám Đỗ Kiến Nhượng trợn mắt gầm lên: *Một truyện ngắn nguy hiểm. Anh bị bắt vì cái truyện ngắn nguy hiểm đó. Anh biết không? Tại sao anh dám động đến tổng thống của chúng tôi? Anh ở tù rục xương, anh biết không?...*

Trước khi loại bỏ Ông, chúng tra tấn dã man để bắt khai hết tổ chức hoạt động và các nhà văn nhà báo cộng sản nằm vùng. Nhà văn của chúng ta vốn vóc dáng mình hạc xương mai phải gơ hai bàn tay xương xẩu ra, thẳng ác ôn cao to mập mạp lấy thước kẻ học trò dần xuống bàn tay. Mỗi lần trợn mắt lấy hết sức lực đập xuống hai bàn tay, nó lại nghiêng răng đay nghiến: *“Cho mày viết Chuông rung trên tháp đổ này. Cho mày viết Thêm một ngọn đèn này, cho mày viết Ngàn sau sông Dịch, Dịch,*



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



Kỷ niệm sâu sắc chức thơ ấu của tôi

Lý Văn Sâm

Năm nay, tôi đã bước vào cái tuổi 67. Kể ra mỗi dịp ^{hồi} thơ ấu với một số bạn già khác đã lần lượt mất đi trong vòng mười ba năm sau ~~giai đoạn~~ này đặt mình giải pháp.

Người ta thường nói: người lớn tuổi có tật hay hoài cổ - nghĩa là nhớ xưa. Có đúng như vậy không? Nếu đúng như vậy thì xin các bạn trẻ hãy ^{đặt} ~~đặt~~ cho ~~chúng~~ tôi - cho thế hệ chúng tôi - một tư vấn thông đặc biệt.

Cái tôi đây sinh ra đời này, vào giữa Khuya một đêm mùa xuân, tôi đã cất tiếng chào đời dưới một mái tranh nghèo ở xóm Ông Lính, ~~thôn Tân Nhuận thuộc quận Tân Uyên cũ (bây giờ Tân Uyên thuộc tỉnh Sông Bé). Rồi ~~chưa~~ ~~trước~~ ~~khi~~ ~~lớn~~~~ về của ~~Hạt Kiểm lâm Tân Uyên~~ Bùn với mẹ tôi là bà mẹ già bà Nghĩa. Bà tôi ~~đã~~ đi làm tại miền hơn đó, khi thấy về như chim về.

Dịch, Dịch... này...". Hai bàn tay tóe máu, chỉ còn thấy tro xương... nhưng Ông vẫn giữ khí phách của người chiến sĩ cách mạng. Không chỉ con người khí phách mà Lý Văn Sâm còn là con người tình nghĩa. Thời kỳ trước năm 1945, ông viết truyện thường ký tên Ánh Minh. Nói về bút danh này, ông cho hay: "Hồi nhỏ, tôi đi học trường tiểu học ở Biên Hòa, có

Hình
12:
Thủ
Bút
của
Lý
Văn
Sâm



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



cô giáo tên Huỳnh Minh Ánh. Lúc thi lấy bằng tiểu học, môn tiếng Pháp, tôi đi thi trễ. Cô nói: “Trò cứ vô đi”. Giờ đó thi tiếng Việt dịch sang tiếng Pháp, cô bảo tôi dịch câu này: “Rượu giết người nhiều hơn giặc”. Tôi đang lúng túng thì cô giáo viết trên miếng giấy nhỏ đưa cho tôi. Và kết quả, tôi được 9 điểm. Nhưng điều quan trọng là thi cử thời đó khó lắm, giáo viên trường khác đến coi thi, nhưng lại có thái độ tốt giúp đỡ học sinh như thế thật hiếm. Để nhớ ơn cô, sau này tôi lấy bút danh Ánh Minh”.

Nhớ thương lời Dương Tử Giang, người bạn văn, cũng là người bạn tù thân thiết nhất của ông: Trong hai thằng chúng mình, trong trận này, nếu một đứa hy sinh, thì đứa còn lại phải sống bằng tiềm lực của hai đứa cộng lại”. Ông đã trần trở làm hết mình trong cuộc sống và viết cho những chân lý của đời, của anh lính để không phụ lòng người đã khuất một cách vẹn toàn nhất. Lý Văn Sâm đã viết để bày tỏ, viết để trải lòng và viết để cho gió cuốn đi, v,v Cả cuộc đời làm chính trị và làm văn, nhà văn cứ mãi miết đi, mãi miết viết và mãi miết cống hiến cho cuộc đời. Với ông, dường như viết xong tác phẩm nào thì tác phẩm đó là tác phẩm để đời. Dù làm quan cao chức trọng hay cuối đời làm một nhà văn bình thường thì Lý Văn Sâm vẫn là người một mình kể chuyện đời giữa vòng vây bủa.

Với tài năng và nhân cách của Lý Văn Sâm, Ông xứng đáng được lưu danh là chiến sĩ cách mạng khí phách, Nhà văn của quê hương, đất nước và con người Nam bộ tiêu biểu của nửa cuối thế kỷ XX, đã có đóng góp xứng đáng cho nền văn học Việt Nam.







KẾT LUẬN

Năm 2016 là năm thứ 7 thực hiện Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử Đồng Nai và tôi tham gia được 3 năm 2014 – 2016. Mỗi lần tham gia tôi có động cơ để tìm hiểu về nhân vật và sự kiện văn hóa lịch sử đã góp phần nâng cao nhận thức của mình.

Hội thi năm 2014 với chủ đề “ Trong số các nhân vật lịch sử văn hóa cấp tỉnh Đồng Nai mà bạn đã đến tham quan hãy trình bày cảm nghĩ về giá trị nhân vật lịch sử văn hóa mà bạn tâm đắc nhất” tôi bị hút bởi nhân vật được nhân dân tôn vinh là “TÀI TỬ NGŨ”. Tìm hiểu và viết về Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ với cả tâm lòng và có lẽ vì thế mà Thi tướng đã “phù hộ” nên năm 2015 tôi được giới báo chí truyền thông đặt biệt danh là “ Nữ tướng diệt xăng gian”

Hội thi năm 2015 với 3 nội dung:



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



*Hình 10: Tác Giả Viếng Mộ
Nhà Văn Lý Văn Sâm*

- Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua bao nhiêu kỳ Đại hội? Hãy nêu mục tiêu tổng quát qua kỳ Đại hội?

- Chủ trương nào trong các kỳ Đại hội được bạn tâm đắc nhất, vì sao?

Trong nội dung thứ 2 tôi chọn chủ trương tập trung thực hiện tạo bước đột phá trong việc nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ gắn với nâng cao hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn. Kết quả Hội thi đã giúp tôi nhận thức được thành tựu kinh tế xã hội của lĩnh vực này của cả nước thống nhất đến nay, nhất là thành tựu trong giai đoạn 2010-2015 so với giai đoạn 1976 - 1980. Đồng thời tôi có điều kiện hiểu sâu hơn về thành tựu cần phát huy và những mặt còn hạn chế cần có giải pháp thích hợp khắc phục để đưa ngành khoa học và công nghệ nơi tôi đang công tác tiếp tục phát huy vai trò then chốt trong nền kinh tế.

Nhiệm vụ tôi đã sưu tầm tham gia Hội thi là tư liệu bổ ích để tôi hoàn thành xuất sắc đề án tốt nghiệp cao cấp chính trị với đề tài được Học viện giao ngẫu nhiên nhưng rất trùng khớp với nội dung Hội thi: "Nguồn lực khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu kinh tế tỉnh Đồng Nai - Thực trạng và giải pháp"

Hội thi năm nay đã tạo điều kiện cho tôi thực hiện sự lựa chọn ban đầu trong Hội thi năm 2014, một nhân vật mà tôi có sự đồng cảm về tuổi thơ cô đơn sống giữa vùng rừng hoang vắng, nhà văn Lý Văn Sâm.



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016



*Hình 11: Tác Giả
Viếng Đền Danh Thôn
Nguyễn Tri Phương*

Dòng thời tôi lại có dịp đến viếng đền thờ danh tướng Nguyễn Tri Phương, mà hồi còn nhỏ tôi thường được mẹ tôi dẫn đến Đền để dâng hương và khấn vái tòng phù hộ cho việc học hành tấn tới, gia đình có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Lần này tôi cũng đến dâng hương và khấn vái Tôi sẽ tiết lộ điều tôi khấn vái có thành hiện thực hay không nếu tôi có cơ hội tham gia Hội thi năm 2017.

Như vậy Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử tỉnh Đồng Nai ngoài sự hỗ trợ giúp cho thế hệ trẻ nhận thức được sâu sắc giá trị văn hóa lịch sử tỉnh Đồng Nai để bổ sung thêm hành trang trên con đường phấn đấu xây dựng tỉnh Đồng Nai phát triển toàn diện và bền vững, riêng tôi việc tham gia Hội thi còn đem đến cho tôi nhiều điều may mắn bất ngờ.

Theo tôi được biết năm 2016 là năm cuối của Hội thi giai đoạn 2012 - 2016 theo Quyết định số 754/UB-ND-VPX ngày 04/12/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai. Tôi mong rằng Hội thi sẽ được tiếp tục giai đoạn 2017 - 2020 để thế hệ trẻ chúng tôi tiếp tục có điều kiện tham gia nhằm bổ sung và nâng cao nhận thức của mình về những giá trị văn hóa lịch sử tỉnh Đồng Nai để càng thêm yêu quý mảnh đất Đồng Nai, góp phần cho việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa - lịch sử trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, văn minh. Riêng tôi có cơ hội tiết lộ những điều tôi khấn vái khi dâng hương tại Đền thờ danh tướng Nguyễn Tri Phương.



Thông Tin Cá Nhân

Họ và tên: Đỗ Ngọc Thanh Phương

Năm sinh: 14-07-1979 - Giới tính: Nữ

Địa chỉ thường trú: K3-46, Tân Bản, Bàu Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai

Nơi công tác: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0906 75 33 18

Email: dophuong1014@gmail.com

